**Ngày dạy: 2/11/2020**

**Lớp dạy: 6/5**

**TUẦN 9**

**Tiết 33 - *Tiếng Việt***

**DANH TỪ**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

- Nắm được đặc điểm của danh từ.

- Nắm được các nhóm danh từ chỉ đơn vị và danh từ chỉ sự vật.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: SGK+SGV+bảng phụ

- HS: SGK+tập soạn

**III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**1/ Ổn định lớp:**

**2/ Kiểm tra bài cũ:**

- Kể tóm tắt truyện “Cây bút thần”?

- Nêu ý nghĩa của truyện?

**3/ Bài mới:**

a/ Giới thiệu bài: Ở bậc tiểu học, các em đã học về danh từ. Chúng ta đã biết danh từ là gì, vậy hôm nay, chúng ta đi sâu vào đặc điểm của danh từ và các loại danh từ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1: TÌM ĐẶC ĐIỂM CỦA DANH TỪ**  - Sau khi cho HS nhắc lại về danh từ, GV ghi sẵn câu trong SGK vào bảng phụ.  “Vua sai ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp với ba con trâu đực, ra lệnh phải nuôi làm sao cho **ba con trâu ấy** đẻ thành chín con…”  **H1**: Xác định danh từ trong cụm từ “ba con trâu ấy” ?  **H2**: “Con” là danh từ chỉ gì?  **H3**: “Trâu” là danh từ chỉ gì?  **H4**: Trước và sau danh từ trong cụm danh từ trên còn có những từ nào?  **H5**: Từ “ba”, “ấy” có vai trò gì?  **H6**: Tìm thêm những danh từ khác trong câu?  GV giải thích: Trong cụm danh từ trên, “con trâu” là danh từ trung tâm, trong đó “con” là danh từ đơn vị và “trâu” là danh từ chỉ sự vật. Nhưng để tiện cho việc phân tích, ta coi “con trâu” là danh từ.  **H7**: Như vậy, ta thấy danh từ biểu thị những gì?  **GV**: Ngoài ra, danh từ còn có thể kết hợp với các từ chỉ số lượng đứng trước và chỉ từ đứng sau như “ấy, này, kia, khác…”  **H8**: Sau khi đã tìm hiểu về danh từ, các em hãy đặt câu có danh từ vừa tìm được?  GV nhận xét bổ sung.  **H9**: Danh từ thường giữ chức vụ ngữ pháp gì trong câu?  **H10**: Vậy, em cho biết danh từ có đặc điểm gì?  **HOẠT ĐỘNG 2: TÌM HIỂU “DANH TỪ CHỈ ĐƠN VỊ VÀ DANH TỪ CHỈ SỰ VẬT”**  GV ghi sẵn các cụm danh từ vào bảng phụ ở nhà.  +ba con trâu  +một viên quan  +ba thúng gạo  +sáu tạ thóc  **H11**: Em hãy phân biệt nghĩa của các từ “con, viên, tháng, tạ” so với các danh từ đứng sau “trâu, quan, gạo, thóc”?  Gợi ý:  - Các danh từ “con, viên, thúng, tạ” chỉ gì?  - Các danh từ “trâu, quan, gạo, thóc” chỉ gì?  - Các em thử thay thế danh từ “con, viên, thúng, tạ” bằng cac từ khác có ý nghĩa tương tự rồi cho biết trường hợp tính đếm, đo lường nào thay đổi, không thay đổi? Vì sao?  **GV**: Danh từ đơn vị gồm danh từ danh từ đơn vị quy ước và danh từ đơn vị tự nhiên.  **H11**: Tại sao có thể nói “nhà có ba thúng gạo rất đầy” mà không thể nói là “có sáu tạ thóc rất nặng”?  **GV**: Có thể nói “ba thúng gạo rất đầy” vì danh từ “thúng” chỉ số lượng ước phỏng, không chính xác (to, nhỏ, chứa đầy, vơi…) nên có thể thêm các từ bổ sung về lượng. Không thể nói “sáu tạ thóc rất nặng” và các từ “sáu, tạ” là những từ chỉ số lượng chính xác, cụ thể rồi nếu thêm các từ “nặng, nhẹ” đều thừa.  **H12**: Em nào có thể nhắc lại, danh từ gồm mấy loại? Đó là những loại nào?  **H13**: Danh từ đơn vị gồm mấy loại? Là những loại nào?  GV cho HS đọc ghi nhớ SGK  **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP** | - con trâu  - Chỉ loại  - Chỉ vật  - Trước danh từ có từ “ba”, sau danh từ có từ “ấy”  - “Ba” là từ chỉ số lượng đứng trước, “ấy” là chỉ từ đứng sau.  - Vua, làng, thúng, gạo, nếp  - Thảo luận và trả lời: danh từ là từ biểu thị người, vật, hiện tượng, khái niệm.  - Thảo luận, HS có quyền đặt bất cứ câu nào. HS khác chú ý nhận xét và bổ sung.  - Chủ ngữ, nếu giữ chức vụ vị ngữ thì phải có hệ động từ “là”.  Dựa vào ghi nhớ để trả lời  - Chỉ loại, chỉ đơn vị  - Chỉ người, vật, sự vật  - Thảo luận  (1): con = chú  (2): viên = ông  (3): thúng = đống  (4) tạ = bao, cân  (1), (2) không thay đổi vì các từ nêu tên (loại, cá thể) của người, vật (hiện tượng, khái niệm)  (3), (4) thay đổi vì đó là những từ chỉ số đo, số đếm).  -Thảo luận  - Gồm 2 loại: Danh từ đơn vị và danh từ chỉ sự vật.  - Gồm 2 loại: Loại từ (danh từ đơn vị tự nhiên), đơn vị quy ước. | **I. ĐẶC ĐIỂM CỦA DANH TỪ:**  **VD**: ba con trâu ấy  - Danh từ: con trâu  - Đứng trước danh từ: từ “ba” 🡪 chỉ số lượng  - Đứng sau danh từ: từ “ấy” 🡪 chỉ từ  - Các danh từ khác: vua, làng, thúng, gạo, nếp.  - Những từ chỉ người, vật, khái niệm.  Ghi nhớ SGK trang 86  **II. DANH TỪ CHỈ ĐƠN VỊ VÀ DANH TỪ CHỈ SỰ VẬT:**  Có hai loại  - Danh từ chỉ sự vật: nêu tên từng loại hoặc từng cá thể người, vật, hiện tượng  - Danh từ chỉ đơn vị  + Loại từ (chỉ đơn vị tự nhiên)  + Đơn vị quy ước  ▪ Đơn vị chính xác  ▪ Đơn vị ước phỏng (không chính xác)  Ghi nhớ SGK trang 87  **III. LUYỆN TẬP**: |

b/ Tiến trình giảng dạy:

**Bài tập 1**: Cho HS tự làm, GV nhận xét, bổ sung

**Bài tập 2**:

- Đứng trước danh từ chỉ người: ngài, viên, người, em…

- Đứng trước danh từ chỉ đồ vật: quyển, quả, pho, tờ, chiếc…

**Bài tập 3**:

- Đơn vị quy ước chính xác: mét, gam, lít, dặm, hecta…

- Đơn vị quy ước mô phỏng: nắm, mớ, thúng, vốc, sải…

**Bài tập 4**: GV đọc chính tả cho HS viết.

**Bài tập 5:**

- Chỉ đơn vị: em, que, con, bức…

- Chỉ sự vật: cha mẹ, củi, cỏ, chim…

**4/ Củng cố:**

- Đọc lại ghi nhớ

**5/ Dặn dò:**

- Học thuộc ghi nhớ

- Chuẩn bị bài

**IV. RÚT KINH NGHIỆM:**

**- Bài khó chỗ phân loại danh từ đơn vị và danh từ sự vật, gv cần hương dẫn chậm.**

**- Phần bài tập gv cần hướng dẫn.**

**- Cần lưu ý thời gian.**

**Ngày dạy: 2/11/2020**

**Lớp dạy: 6/5**

**TUẦN 9**

**Tiết 34 - *Tiếng Việt* DANH TỪ (TIẾP THEO)**

**I. Mục tiêu cần đạt**: Qua bài học này giúp HS:

- Trình bày được các đặc điểm của danh từ

- Trình bày được các tiểu loại danh từ: danh từ chỉ đơn vị và danh từ chỉ sự vật

**II. Trọng tâm kiến thức, kĩ năng, thái**

**1. Kiến thức:**

- Đặc diểm ngữ pháp của danh từ ( khả năng kết hợp, chức vụ ngữ pháp)

- Các loại danh từ.

**2. Kĩ năng:**

- Nhận biết danh từ trong văn bản

- Phân biệt danh từ chung và danh từ riêng

- Sử dụng danh từ để đặt câu

- Viết hoa danh từ riêng đúng quy cách

**3.Thái độ:**

-Có ý thức sử dụng danh từ đúng khi giao tiếp, sửa được một số lỗi chính tả về viết danh từ.

***\*Rèn luyện các KNS:*** kĩ năng giao tiếp, đảm nhận trách nhiệm, tìm kiếm và xử lí thông tin

hợp tác, giải quyết vấn đề,…

**4. Định hướng phát triển năng lực, phẩm chất:**

- Giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học

- Tự lực, tự tin, sáng tạo

**II. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:**

- Vấn đáp, gợi mở, phân tích mẫu, thảo luận nhóm, luyện tập theo mẫu.

- Động não, chia nhóm, đặt câu hỏi

**III.** **Chuẩn bị:**

1. GV: Tham khảo tài liệu, nghiên cứu, thiết kế bài giảng, bảng phụ.

2. HS: Đọc các ví dụ và trả lời các câu hỏi sgk

**IV. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động Khởi động :** (5’)  *\* Mục tiêu*: giúp HS huy động kiến thức đã có để khám phá kiến thức mới; tạo hứng thú cho HS vào học bài mới.  *\* Phương pháp, kĩ thuật*:  - Vấn đáp, thuyết trình.  - Đặt câu hỏi.  *\* Phương tiện*: Sgk | | | | |
| ***Tổ chức***  ***các HĐ dạy học của GV*** | | ***Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm*** | | ***Kiến thức trọng tâm*** |
| *?* **\*Yêu cầu:** Chữa một số câu sau dùng từ không đúng và giải thích rõ:    1/ Vùng này còn nhiều **thủ tục** như: ma chay, cưới xin làm cỗ bàn linh đình; ốm không đi bệnh viện mà mời thầy lang.  2/ Có một số bạn còn **bàng quang** với lớp.  **\*Trả lời:**  1.Thay từ: thủ tục 🡪 hủ tục (**- *Hủ tục*:** Những thói quen lạc hậu cần bài trừ;  **- *Thủ tục*:** Những qui định hành chính cần phải tuân theo)  2.Thay từ: bàng quang 🡪 bàng quan (- ***Bàng quang***: Bọng chứa nước tiểu.  - ***Bàng quan***: Dửng dưng, thờ ơ như người ngoài cuộc)  - Từ câu trả lời của HS, gv g/ thiệu bài: Danh từ các em đã học ở lớp dưới nhưng để hiểu rõ hơn chúng có đặc điểm gì và chúng gồm những nhóm nào, bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta rõ điều đó hơn . | | - HS làm việc cá nhân  **SP:**  1.Thay từ: thủ tục 🡪 hủ tục (**- *Hủ tục*:** Những thói quen lạc hậu cần bài trừ;  **- *Thủ tục*:** Những qui định hành chính cần phải tuân theo)  2.Thay từ: bàng quang 🡪 bàng quan (- ***Bàng quang***: Bọng chứa nước tiểu.  - ***Bàng quan***: Dửng dưng, thờ ơ như người ngoài cuộc)  HS lắng nghe | |  |
| **2. Hoạt động: Hình thành kiến thức** :( 20’ )  *\* Mục tiêu:* Giúp HS hình thành các kiến thức và kĩ năng sau:  - Đặc diểm ngữ pháp của danh từ ( khả năng kết hợp, chức vụ ngữ pháp)  - Các loại danh từ.  - Nhận biết danh từ trong văn bản  - Phân biệt danh từ chung và danh từ riêng  - Viết hoa danh từ riêng đúng quy cách  *\* Phương pháp, kĩ thuật:*  - Vấn đáp, gợi mở, phân tích mẫu, luyện tập theo mẫu  - Động não, chia nhóm, đặt câu hỏi  \* *Phương tiện, thiết bị :* Sgk, bảng phụ. | | | | |
| **Tổ chức**  **các HĐ dạy học của GV** | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | | **Kiến thức trọng tâm** | |
| \***Bước 1: Hd hs ôn lại khái niệm danh từ.**  - HS đọc ví dụ (Bảng phụ)  Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm danh từ  ? Dựa vào kiến thức đã học ở bậc tiểu học hãy xác định danh từ trong cụm danh từ được gạch chân?  ? Tìm thêm các danh từ khác trong câu đã dẫn?  ? Đặt câu với những danh từ em vừa tìm được?  ? Từ bài tập trên em hãy cho biết danh từ biểu thị những gì?  ? Trong cụm danh từ "Ba con trâu ấy" xung quanh danh từ có những từ nào?  ? Tìm xem trong các cụm danh từ sau, danh từ kết hợp với những từ nào?  - Ba thúng gạo nếp  - Ba con trâu đực  - Ba con trâu ấy  ? Qua tìm hiểu em hãy cho biết danh từ có khả năng kết hợp ntn?  ? Em hãy đặt câu với các danh từ vừa tìm được ở trên?  ? Em hãy xác định chủ ngữ, vị ngữ các câu vừa đặt?  ? Nêu chức vụ của danh từ?  **\* Bước 2: Hd hs tìm hiểu danh từ chung và danh từ riêng.**  GV ghi bảng phụ có kẻ bảng phân loại  "Vua nhớ công ơn ....Hà Nội"  ? Dựa vào kiến thức ở tiểu học, hãy điền các danh từ có trong câu trên và điền vào bảng phân loại ?  ? Những danh từ đó biểu thị gì?  GV ghi sơ đồ cấu tạo của danh từ cho HS thấy rõ  ? Dựa vào đó em có thể chia danh từ chỉ sự vật gồm mấy loại? Em hiểu gì về mỗi loại?  ? Về hình thức chữ viết, em thử phân biệt danh từ chung và danh từ riêng ?  **\*B3: Hướng dẫn HS cách viết danh từ riêng**  ? Quan sát lại các danh từ riêng trong bảng, em thử cho biết cách viết hoa danh từ riêng ?  ? GV cho sẵn các danh từ riêng sau và yêu cầu quan sát kỹ và nêu cách viết hoa các danh từ riêng này  a. Trần Ngọc Phương, Khánh Hoà, Mao Trạch Đông  b. A.lếch- xan- đrơ Xéc.ghê- ê- vích Pu- Skin, Na.plơ, I. ta.lI. a  GV yêu cầu HS cho thêm một số ví dụ khác trong 2 trường hợp trên  ? Tìm tên riêng của các cơ quan, tổ chức, giải thưởng danh hiệu và nêu cách viết hoa chung ?  GV đưa một số ví dụ viết sai của HS rồi cho HS sữa chữa.  - tRần văn KHIÊM  - hội khuyến học  GV chốt lại cho HS ghi  Gọi HS đọc ghi nhớ | - HS đọc ví dụ  **SP:** Con trâu.  - Vua, làng, thúng gạo nếp.  - Vua Hùng chọn người nối ngôi.  - Làng tôi rất đẹp  - Danh từ biểu thị từ chỉ người, vật.  Từ "ba" đứng trước, từ "ấy" đứng sau  HS làm việc cá nhân.    **SP:** Danh từ có thể kết hợp với từ chỉ số lượng ở phía trước, các từ này, ấy, đó... ở phía sau và một số từ ngữ khác để lập thành cụm danh từ.  - Cái bàn này/ mới.  CN VN  - Người đi đầu/ là Nam.  VN CN  - HS tìm danh từ và điền vào bảng phân loại  + Danh từ chung: Vua, công ơn, tráng sĩ, đền thờ, làng, xã, huyện.  + Danh từ riêng: Phù Đổng Thiên Vương, Gióng, Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội.  - Danh từ chỉ sự vật  - Danh từ chỉ sự vật gồm danh từ chung và danh từ riêng  + Danh từ chung là tên gọi một loại sự vật  + Danh từ riêng là tên riêng của từng người, từng vật, từng địa phương  - Danh từ riêng phải viết hoa, còn danh từ chung thì không.  HS làm việc cá nhân  **SP:**  **-** Viết hoa chữ cái đầu.  - Gạch nối giữa các chữ.  - Tên riêng của các cơ quan, tổ chức, giải thưởng, danh hiệu, huân chương... thường là một cụm từ. Chữ cái đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành cụm từ này đều được viết hoa .  HS quan sát và làm việc cá nhân  - Trần Văn Khiêm  - Hội khuyến học  HS đọc ghi nhớ | | **I. Đặc điểm của danh từ.**  ***- Danh từ*** là những từ chỉ người, vật, khái niệm,....  -Danh từ có thể kết hợp với từ chỉ số lượng ở phía trước, các từ này, ấy, đó... ở phía sau và một số từ ngữ khác để lập thành cụm danh từ.  - Chức vụ điển hình trong câu của danh từ là chủ ngữ. Khi làm vị ngữ danh từ cần có từ là đứng trước.  **II. Danh từ chung và danh từ riêng:**  - Danh từ chỉ sự vật gồm danh từ chung và danh từ riêng  **+** Danh từ chung là gọi tên một loại sự vật .  **+** Danh từ riêng là tên riêng của từng người, từng bộ phận, từng địạ phương  **\*Cách viết danh từ riêng:**  - Khi viết danh từ riêng ta phải viết chữ cái hoa đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành tên riêng đó  **+** Đối với tên người, tên địa lí Việt Nam và tên người, tên địa lí nước ngoài phiên âm qua âm Hán Việt: viết hoa chữ đầu tiên của mỗi tiếng .  **+** Đối với tên người, tên địa lí nước người phiên âm trực tiếp (không qua âm Hán Việt): viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành tên riêng đó; nếu bộ phận gồm nhiều tiếng thì giữa các tiếng cần có gạch nối  - Tên riêng của các cơ quan, tổ chức, giải thưởng, danh hiệu, huân chương... thường là một cụm từ. Chữ cái đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành cụm từ này đều được viết hoa. . | |
| **3. Hoạt động Luyện tập:** ( 10 ’)  *\* Mục đích*: giúp HS vận dụng kiến thức vừa được học để giải các bài tập nhằm khắc sâu kiến thức.  *\* Phương pháp, kĩ thuật*:  - Vấn đáp, gợi mở, luyện tập  - Động não  *\* Phương tiện*: Sgk | | | | |
| **Tổ chức**  **các HĐ dạy học của GV** | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | | **Kiến thức trọng tâm** | |
| - Y/c HS làm BT1.  1. Tìm danh từ chung và danh từ riêng trong câu sau  "Ngày xưa / ở / ...Lạc Long Quân"  2. Các từ in đậm dưới đây có phải danh từ riêng không? Vì sao?  a. **Chim**, **Mây**, **Nước** và **Hoa** đều cho rằng **Hoạ Mi** ....  b. Nàng **Út** bẽn lẽn...  c. Khi ngựa.....làng **Cháy**  3. Cho HS nhận xét và viết đúng các danh từ riêng mà bạn đó quên viết hoa | - HS thảo luận theo bàn thực hiện y/c BT1  HS xung phong trả lời, lớp nhận xét  - HS thảo luận bàn đại diện trả lời, lớp nhận xét  - Thảo luận nhóm, đại diện trình bày tổ khác nhận xét | | **III. Luyện tập:**  **BT1:**  1a. Danh từ riêng: Lạc Việt, Bắc Bộ, Long Nữ, Lạc Long Quân  b. Danh từ chung: ngày xưa, miền, đất, nước, thần, nòi, con trai, tên.  2. Các từ in đậm:  a. Chim, Mây, Nước, Hoa, Hoạ Mi .  b. Út .  c. Cháy .  Đều là những danh từ riêng vì chúng được dùng để gọi tên riêng của một sự vật cá biệt duy nhất mà không phải dùng để gọi chung một loại sự vật.  3. Viết lại  Tiền Giang, Hậu Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hoà, Phan Rang, Phan Thiết, Tây Nguyên, Công Tum, Đắc Lắc, miền Trung, sông Hương, Bến Hải, Cửa Tùng, Việt Nam, Dân chủ Cộng hoà. | |
| **4. Hoạt động Vận dụng :** ( 7’ )  *\* Mục đích*: giúp HS vận dụng các kiến thức được học trong bài để giải quyết các tình huống trong thực tiễn.  *\* Phương pháp, kĩ thuật*:  - Luyện tập  - Viết tích cực, trình bày 1 phút | | | | |
| **Tổ chức**  **các HĐ dạy học của GV** | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | | **Kiến thức trọng tâm** | |
| - Cho hs tìm danh từ riêng trong văn bản *Con Rồng cháu Tiên*  - Cho HS tìm và trình bày trước lớp. Gv theo dõi, nhận xét, góp ý, cho điểm. | - HS làm việc cá nhân  + Tìm danh từ riêng  + Trình bày kết quả trước lớp, nhận xét câu trả lời của bạn. | | **BT4** Danh từ riêng trong các văn bản:  - Lạc Việt, Bắc Bộ, Phong Châu, Văn Lang.  - Long Nữ, Lạc Long Quân, Âu Cơ, Thần Nông, Hùng Vương, vua Hùng, con Rồng, cháu Tiên, Việt Nam.  - Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh. | |
| **5. Hoạt động Tìm tòi ,mở rộng:** ( 2’)  *\* Mục đích*: giúp HS tìm hiểu thêm những kiến thức có liên quan đến nội dung bài học để mở rộng, khắc sâu kiến thức.  *\* Phương pháp, kĩ thuật*:  - Luyện tập.  - Động não.  *\* Phương tiện*: Sgk. | | | | |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm*** | | ***Kiến thức trọng tâm*** | |
| - GV nêu yêu cầu: *Sưu tầm bài ca dao, trong đó có sử dụng nhiều danh từ riêng.*  - Gv kiểm tra ở tiết sau. | - HS làm việc cá nhân  + làm ở nhà, ghi vào vở BT | |  | |

**\*Hướng dẫn HS học ở nhà:** (1’)

- Thuộc ghi nhớ

- Tìm thêm một số danh từ riêng và cách viết hoa

- Soạn: ***Ngôi kể và lời kể trong văn tự sự*** .

**Rút kinh nghiệm:**

**- Bài khó ở phần nhận diện và cách viết hoa đối với danh từ riêng, gv cần hương dẫn chậm.**

**- Phần bài tập gv cần hướng dẫn.**

**- Cần lưu ý thời gian.**

**Ngày dạy: 3/11/2020**

**Lớp dạy: 6/5**

**TUẦN 9**

**TIẾT 35-36**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ – HỌC KÌ 1**

**NĂM HỌC 2020 - 2021**

**MÔN: NGỮ VĂN – KHỐI 6**

**ĐỀ A**

**Học sinh đọc kĩ đoạn ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:**

# *“...Giặc đã đến chân núi Trâu. Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc , đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng roi sắt gãy . Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn) . Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời...”*

*(Trích Sách Ngữ văn 6/tập 1)*

**Câu 1**: (4.0 điểm)

1. (1.0 điểm): Nêu nội dung của đoạn trích trên.

b.(1.0 điểm): Tìm hai từ mượn có trong đoạn trích trên và nêu nguồn gốc.

c.(1.0 điểm): Từ nội dung tác phẩm đã học liên quan , em hãy nêu cảm nhận về nhân vật tráng sĩ trong đoạn trích.

d.(1.0 điểm): Viết đoạn văn từ 3-5 câu trình bày suy nghĩ của em về lòng yêu nước.

**Câu 2**: (6.0 điểm): Kể về buổi lễ khai giảng đầu năm cấp 2 của em.

**ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA KÌ**

**HỌC KÌ 1 – NĂM HỌC 2020 – 2021**

**MÔN: NGỮ VĂN – KHỐI 6 - ĐỀ A**

**Câu 1**:

1. (1.0 điểm) Học sinh trả lời đúng ý sau:

Thánh Gióng xông ra trận giết giặc Ân cứu nước.

1. (1.0 điểm) Hai từ mượn có trong đoạn trích trên: Sứ giả, tráng sĩ, trượng

Từ mượn tiếng Hán

c.(1.0 điểm): Có vô vàn truyền thuyết trong kho tàng dân gian Việt Nam nhưng để lại cho em ấn tượng đặc biệt nhất có lẽ là Thánh Gióng. Gióng tựa như một hình tượng tiêu biểu, người anh hùng chống giặc ngoại xâm sống mãi trong lòng nhân dân ta. Gióng chiến đấu bằng cả tấm lòng yêu nước, với sức mạnh phi thường của mình. Gióng không chỉ đại diện cho tinh thần đoàn kết của toàn dân mà còn tượng trưng cho sức mạnh của thiên nhiên. Gióng là một người rất dũng cảm, khỏe mạnh và có nhiều sức mạnh nhiệm màu. Không những vậy Gióng còn là một vị anh hùng không màng danh lợi một lòng vì nước vì dân. Đánh thắng giặc Gióng bay về trời về với cõi bất biến nhưng sẽ sống mãi trong lòng nhân dân ta. Bản thân em là học sinh, em cần quyết tâm học giỏi, rèn luyện thể lực để xứng đáng với người anh hùng Thánh Gióng.

d.(1.0 điểm): Gợi ý: Cũng như bao truyền thống khác, tinh thần yêu nước là một nét đặc sắc trong văn hóa lâu đời của nước ta, nó được thể hiện từ xưa đến nay và đi sâu vào từng hành động, ý nghĩ của mỗi con người. Lòng yêu nước là yêu tất cả những gì tốt đẹp, yêu thiên nhiên muôn hình vạn trạng, yêu bầu trời trong xanh, yêu đàn chim bay lượn, yêu cả những dòng sông thân thương hay gần gũi nữa là yêu những chiếc lá mỏng manh. Nói cho cùng thì tinh thần yêu nước ấy xuất phát từ ý chí, sự quyết tâm phấn đấu, xây dựng Tổ quốc, tình yêu thương và cả niềm hi vọng. Tinh thần yêu nước bao gồm cả nhiều tình yêu khác: tình yêu gia đình, quê hương, tình yêu con người. Nó được bộc lộ ở mọi lúc mọi nơi, mọi cá nhân, bất cứ nơi nào có người dân Việt Nam sống thì đó sẽ mãi là mầm mống, là chồi non của tinh thần yêu nước Việt Nam. Và đó cũng sẽ không phải là lí tưởng của mình dân tộc Việt Nam mà còn rất nhiều nước khác, lí tưởng ấy luôn đi đầu.

Yêu cầu:

- Nội dung: phải đáp ứng yêu cầu của dề bài.( 0.5 điểm)

- Hình thức: Học sinh có thể làm thừa 1 câu cũng cho điểm trọn vẹn. Chỉ trừ điểm dư từ 2 câu trở lên ( -0.25 điểm)

**Câu 2**: (6.0 điểm):

Dàn ý gợi ý:

**I.Mở bài: (0.5 điểm)**

Năm nay em đã là học sinh lớp sáu, đã trải qua năm lễ khai giảng ở trường tiểu học. Nhưng sao ngày khai giảng đầu tiên ở trường cấp hai lại lạ thế, một cảm giác khó có thể diễn tả bằng lời.

**II/ Thân bài: (5.0 điểm)**

**1/ Trước ngày khai giảng: (1.0 điểm)**

    Trước ngày đi học, em được mẹ mua quần áo mới, tập sách mới. Lòng nôn nao không ngủ được. Em trằn trọc, rồi lại ngồi dậy mân mê chiếc cặp mới và những quyển tập còn thơm mùi giấy. Sáng, em dậy thật sớm, thay bộ đồng phục mới tinh mẹ mua từ mấy hôm trước. Trong lòng bồi hồi khó tả.

**2/ Trên đường đến trường: (1.0 điểm)**

Chỉnh tề trong bộ đồng phục áo trắng quần xanh, đội nón lúp xúp đi bên cạnh mẹ. Bầu trời buổi sớm mai trong xanh, cao vời vợi, vài tia nắng xuyên qua cành cây, tán lá. Vài chú chim chuyền cành hót líu lo. Xe cộ đông đúc, bóp còi inh ỏi. Hàng quán hai bên đường đã dọn ra, buôn bán nhộn nhịp Có nhiều anh chị học sinh với khăn quàng đỏ trên vai, tươi cười đi đến trường.Hôm ấy là ngày tổng khai giảng năm học mới nên phụ huynh đưa con đến trường thật đông.Em trông thấy vài anh chị trong xóm, các bạn học cấp 1 chung cũng được ba mẹ đưa đến trường. Cảnh vật quen thuộc mọi ngày sao hôm nay thấy khác lạ.Lòng em hồi hộp pha lẫn cảm giác e ngại rụt rè khi gần đến cổng trường cấp 2

**3/ Vào sân trường: (3.0 điểm)**

    a. Quang cảnh trước lễ khai giảng  **(1.5 điểm)**

* Đó là một buổi sáng mùa thu đẹp trời, mây trắng lững lờ trôi, gió heo may thổi nhẹ.
* Ngôi trường cấp hai của em hôm nay nhìn khác hẳn ngày thường.Ngôi trường bề thế, khang trang hơn trường cấp 1 nhiều Băng rôn, khẩu hiệu “Chào mừng năm học mới” được treo lên trang trọng. Cờ hoa trong tay các bạn học sinh bay phấp phới.
* Hội trường lầu 1 được xếp đầy bằng những hàng ghế đỏ ngay ngắn để đón cúng em tựu trường
* Các bạn học sinh và thầy cô giáo cũng có vẻ vui tươi, phấn khởi hơn ngày thường. Các anh chị lớn thì tíu tít chuyện trò, những học sinh cuối cấp thì đang tranh thủ chụp cho nhau bức ảnh kỉ niệm, còn những học sinh mới như em thì rụt rè bỡ ngỡ hơn.
* Lớp em được chọn đi diễu hành nên bọn em đứng xếp hàng ngay ngắn đợi buổi lễ bắt đầu. Trong lòng em lúc này chợt bâng khuâng đến lạ.

b. Khung cảnh trong buổi lễ khai giảng  **(1.5 điểm)**

Mở đầu cho tiết mục khai giảng là màn trình diễn văn nghệ của các bạn học sinh lớp 6/5

* Tiếng trống báo hiệu buổi lễ khai giảng bắt đầu vang lên, các bạn học sinh lập tức đứng đúng vào vị trí lớp mình. Hội trường tràn ngập màu áo trắng ngay hàng thẳng lối trông thật thích mắt.
* Sau lời giới thiệu với giọng nói truyền cảm của thầy tổng phụ trách, chúng em- những học sinh mới đến bước vào hội trường cùng niềm hân hoan không thể nào tả xiết.
* Cầm trên tay nhành hoa tươi thắm, chân bước đi theo nhịp nhạc của bài hát trường ca và bài “Mùa thu ngày khai trường”, em bất giác mỉm cười. Đây có phải là cảm giác của hạnh phúc?
* Nghi lễ diễu hành kết thúc, Cô hiệu trưởng với mái tóc đã điểm bạc lên đọc thư của chủ tịch nước và đánh tiếng trống đầu tiên báo hiệu năm học mới bắt đầu. Ba hồi trống dứt khoát như là niềm náo nức, sự quyết tâm, nỗ lực mà thầy và trò toàn trường cần phải cố gắng trong năm học mới.
* Liền ngay đó là bài diễn văn phát biểu cảm nghĩ của một chị học sinh lớp 9. Chị mặc đồng phục thật đáng yêu, thướt tha, giọng nói ngọt ngào đã truyền cho em biết bao cảm hứng về ngôi trường thân yêu này.
* Kết thúc lễ khai giảng là những tiết mục văn nghệ thật đặc sắc. Nào là bài múa sen nghệ thuật, nào là bài nhảy hiện đại vô cùng sôi động...Lời ca tiếng hát của các thầy cô cũng được góp vào làm buổi lễ thêm ý nghĩa.
* Cuối cùng là tiết mục chụp hình lưu niệm giữa thầy cô và chúng em, giữa các giáo viên trong nhà trường. Sau đó chúng em được điều động ra về để nghỉ cuối tuần và chuẩn bị cho một tuần học đầu tiên đầy ý nghĩa.

**III/ Kết bài (0.5 điểm)**

Lễ khai giảng đã kết thúc nhưng trong lòng em vẫn nguyên vẹn cảm xúc da diết, bồi hồi. Đó là kỉ niệm của tuổi học trò, mà em sẽ nhớ mãi không bao giờ quên. Kỉ niệm đó cũng chính là về một thời học trò trong sáng với ngôi trường thân yêu bên thầy cô và bạn bè.

**YÊU CẦU:**

- Về nội dung: đáp ứng đầy đủ các phần về nội dung của một bài văn tự sự.

- Về hình thức: bố cục đầy đủ, ngắn gọn, chính tả, dùng từ, đặt câu chuẩn xác.

**THANG ĐIỂM:**

+ 5-6 đ: đáp ứng tốt yêu cầu của đề, lời văn mạch lac, sáng tạo, chữ viết sạch, rõ ràng.

+ 4-3 đ : đáp ứng khá yêu cầu của đề, có đầy đủ các phần nhưng không chưa thể hiện ý kiến riêng.

+ 2-1 đ : đáp ứng yêu cầu của đề ở mức trung bình, lời văn lủng củng, dài dòng, không rõ các phần của văn tự sự.

+ 0 đ: bỏ giấy trắng.

*( Các trướng hợp khác giám khảo xem xét, chấm điểm hợp lí)*

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – NĂM HỌC: 2020-2021**

**MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **NLĐG** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| 1. **Đọc hiểu**   Ngữ liệu: Lấy từ SGK Ngữ văn K6-7-8-9  Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu: 1 đoạn trích/ một văn bản hoàn chỉnh, dài khoảng 150-200 chữ | Câu a,b  Biết được nội dung đoạn trích.  Nhận diện được kiến thức về Tiếng Việt có trong đoạn trích. | Câu c  Từ đoạn trích nêu cảm nhận, suy nghĩ, bài học rút ra, … | Câu d  Viết đoạn 3-5 câu về đề tài, ý, … có trong ngữ đoạn |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 02  2.0  20% | 01  1.0  10% | 01  1.0  10% |  | 04  2.0  40% |
| 1. **Tạo lập văn bản** |  |  |  | Viết 01 bài văn tự sự (kể chuyện đời thường) |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ |  |  |  | 01  6.0  60% | 01  6.0  60% |
| **Tổng số câu**  **Tổng số điểm**  **Tỉ lệ %** | **02**  **2.0**  **20%** | **01**  **1.0**  **10%** | **01**  **1.0**  **10%** | **01**  **6.0**  **60%** | **05**  **10.0**  **100%** |

**ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA KÌ**

**HỌC KÌ 1 – NĂM HỌC 2020 – 2021**

**MÔN: NGỮ VĂN – KHỐI 6 - ĐỀ A**

**Câu 1**:

1. (1.0 điểm) Học sinh trả lời đúng ý sau:

Các nước chư hầu không cưới được công chúa nên tức giận sang đánh. Thạch Sanh dùng đàn thần để dừng việc đao binh.

1. (1.0 điểm) Hai từ ghép có trong đoạn trích trên: VD: công chúa, lễ cưới, hoàng tử…

Hai từ láy có trong đoạn trích trên: VD: tưng bừng, bủn rủn…

c.(1.0 điểm): Gợi ý: Thạch Sanh xuất thân đặc biệt, là sự kết hợp của những điều bình thường và yếu tố phi thường. Chàng là người chất phác, hiền lành, chăm chỉ, sẵn sàng xả thân vì người khác, khôn toan tính, vụ lợi. Đó là con người tài năng, quả cảm, có tấm lòng nhân hậu, khoan dung. Chàng có tư tưởng yêu chuộng hòa bình. Tóm lại Thạch Sanh là một con người toàn mĩ cả về tài năng lẫn nhân cách.

d.(1.0 điểm): Gợi ý: Trong muôn vàn điều tốt đẹp mà cuộc đời mang lại cho mỗi người có lẽ hòa bình chính là món quà vô giá nhất. Hòa bình là trạng thái bình yên, không có bạo loạn hay xung đột quân sự. Chỉ khi có được hòa bình, con người mới có thể sống trong điều kiện tốt nhất, không phải chịu nỗi đau mất mát, chia li như trong chiến tranh và thoải mái theo đuổi đam mê của riêng mình. Muốn hòa bình trước hết chúng cần sống yêu thương, xóa bỏ nghi kị cũng như chủ nghĩa cá nhân để cùng chung tay xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn.   
Yêu cầu:

- Nội dung: phải đáp ứng yêu cầu của dề bài.( 0.5 điểm)

- Hình thức: Học sinh có thể làm thừa 1 câu cũng cho điểm trọn vẹn. Chỉ trừ điểm dư từ 2 câu trở lên ( -0.25 điểm)

**Câu 2**: (6.0 điểm):

Dàn ý gợi ý:

1. **Mở bài: (0.5 điểm)**

- Trong cuộc sống có những sự tình cờ đã tạo nên tình bạn.

- Tình bạn giữa em và … cũng bắt đầu từ một sự tình cờ như thế.

- Trong một lần cùng đi xem các đội bóng trong trường thi đấu với nhau, tình cờ hai chúng em đứng gần nhau. Thế là những câu chào hỏi, những lời nhận xét về các pha bóng đã giúp em và …quen biết nhau.

**II. Thân bài: (5.0 điểm)**

**a). Giới thiệu về người bạn mới quen: (2.5 điểm)**

- Khi đã quen nhau, em biết … đang học cùng khối 6 với em nhưng khác lớp.

- Nhà … cách nhà em hơn hai ki lô mét. Ba mẹ … đều là công nhân. Cuộc sống của gia đình …còn gặp nhiều khó khăn. Lương công nhân của ba mẹ … không cao, cộng thêm phải đóng tiền cho hai chị em của …nữa nên việc sinh hoạt cúa gia đình bạn ấy khá chật vật.

- Em thấy … chỉ có hai bộ quần áo đồng phục đế đi học. Về tới nhà, em thấy bạn giặt ngay để ngày hôm sau còn có quần áo tới trường.

**b). Những đức tính tốt của bạn …:**

Mặc dù hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nhưng bù lại, bạn … có rất nhiều đức tính tốt.

- Sự chăm chỉ siêng năng trong học tập thì … hơn hẳn em. Đến nhà … chơi, nhìn thời gian biểu của …, em thấy kín hết chẳng có chỗ nào trống. Điều đó chứng tỏ,… tranh thủ học tập ở mọi nơi, mọi lúc.

- Góc học tập của bạn ấy không lớn, không đẹp nhưng sách vở được sắp rất gọn gàng, bút mực, thước kẻ, compa được đặt gọn gàng trong một cái hộp nhựa đã cũ.

- Đến thăm nhà…, nghe mẹ bạn ấy kể, em thật nể phục bạn. Ngoài giờ học ở trường, về nhà … chỉ kịp cất sách vỡ là giúp mẹ quét dọn nhà cửa. Hôm nào mẹ bạn đi làm ca, bạn thay mẹ nấu cơm, dọn dẹp...

Điều làm em vô cùng khâm phục bạn …là bạn đã kèm dạy miễn phí cho hai em học sinh tiểu học có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- Bạn còn vui vẻ giảng những bài học khó cho các bạn có học lực còn yếu trong lớp. Nhờ vậy mà các bạn tiến bộ rất nhanh.

- Trong các buổi tuyên dương các học sinh có thành tích xuất sắc, bao giờ, em cũng nghe tên bạn … trong tốp ba của những học sinh xuất sắc nhất.

- Em còn biết được, bạn … tham gia rất đầy đủ và tích cực các hoạt động của lớp như phong trào “uống nước nhớ nguồn”, “ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai...”

1. **Kết bài: (0.5 điểm)**

- Tuy mới quen nhưng quả thực …. là tấm gương sáng cho em học tập.

- Nghe em kể về …., ba mẹ em vui lắm vì em có một người bạn tốt.

- Em tin rằng, tình bạn giữa em và … sẽ mãi mãi bền chặt.

**YÊU CẦU:**

- Về nội dung: đáp ứng đầy đủ các phần về nội dung của một bài văn tự sự.

- Về hình thức: bố cục đầy đủ, ngắn gọn, chính tả, dùng từ, đặt câu chuẩn xác.

**THANG ĐIỂM:**

+ 5-6 đ: đáp ứng tốt yêu cầu của đề, lời văn mạch lac, sáng tạo, chữ viết sạch, rõ ràng.

+ 4-3 đ : đáp ứng khá yêu cầu của đề, có đầy đủ các phần nhưng không chưa thể hiện ý kiến riêng.

+ 2-1 đ : đáp ứng yêu cầu của đề ở mức trung bình, lời văn lủng củng, dài dòng, không rõ các phần của văn tự sự.

+ 0 đ: bỏ giấy trắng.

*( Các trướng hợp khác giám khảo xem xét, chấm điểm hợp lí)*

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – NĂM HỌC: 2020-2021**

**MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **NLĐG** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| 1. **Đọc hiểu**   Ngữ liệu: Lấy từ SGK Ngữ văn K6-7-8-9  Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu: 1 đoạn trích/ một văn bản hoàn chỉnh, dài khoảng 150-200 chữ | Câu a,b  Biết được nội dung đoạn trích.  Nhận diện được kiến thức về Tiếng Việt có trong đoạn trích. | Câu c  Từ đoạn trích nêu cảm nhận, suy nghĩ, bài học rút ra, … | Câu d  Viết đoạn 3-5 câu về đề tài, ý, … có trong ngữ đoạn |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 02  2.0  20% | 01  1.0  10% | 01  1.0  10% |  | 04  2.0  40% |
| 1. **Tạo lập văn bản** |  |  |  | Viết 01 bài văn tự sự (kể chuyện đời thường) |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ |  |  |  | 01  6.0  60% | 01  6.0  60% |
| **Tổng số câu**  **Tổng số điểm**  **Tỉ lệ %** | **02**  **2.0**  **20%** | **01**  **1.0**  **10%** | **01**  **1.0**  **10%** | **01**  **6.0**  **60%** | **05**  **10.0**  **100%** |

**RÚT KINH NGHIỆM**

**- Gv cần hướng hs chú ý thời gian khi làm bài.**

**- Gv cần lưu ý học sinh thể thức viết bài tập làm văn.**

**Ngày dạy:9/11/2020**

**Lớp dạy: 6/5**

**TUẦN 10**

**TIẾT 37-38**

**Văn bản: ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG**

(Truyện ngụ ngôn)

**I. Mục tiêu cần đạt**: Qua bài học này giúp HS:

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm của nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một tác phẩm ngụ ngôn.

- Ý nghĩa giáo huấn sâu sắc của truyện ngụ ngôn.

- Nghệ thuật đặc sắc của truyện: mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người, ẩn bài học triết lí; tình huống bất ngờ, hài hước, độc đáo.

**2. Kĩ năng:**

**-** Đọc – hiểu văn bản truyện ngụ ngôn.

- Liên hệ các sự việc trong truyện với những tình huống, hoàn cảnh thực tế.

- Kể lại được truyện.

\* KNS: Tự nhận thức và đánh giá bản thân, giải quyết vấn đề , giao tiếp

**3. Thái độ:**

- Nhận thức được tác hại của việc chủ quan, kiêu ngạo.

- HS có ý thức ham học hỏi để mở rộng hiểu biết của mình, không huênh hoang, kiêu ngạo.

**4. Định hướng phát triển năng lực, phẩm chất:**

- Giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tự học.

- Tự lực, sáng tạo, có trách nhiệm với bản thân .

**II. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:**

- Vấn đáp, gợi mở, giảng bình, thảo luận nhóm, nêu và giải quyết vấn đề, …

- Động não, đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia nhóm,…

**III.** **Chuẩn bị:**

**1. GV**: Nghiên cứu bài giảng, soạn giáo án, tranh ảnh.

**2. HS**: Soạn bài theo các câu hỏi trong Sgk.

**IV. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động Khởi động :** (5’)  *\* Mục tiêu*: Giúp HS huy động kiến thức đã có để khám phá kiến thức mới; tạo hứng thú cho HS vào học bài mới.  *\* Phương pháp, kĩ thuật*:  - Trực quan, vấn đáp, thuyết trình.  - Đặt câu hỏi, động não.  *\* Phương tiện*: Tranh, ảnh | | |
| ***Tổ chức***  ***các HĐ dạy học của GV*** | ***Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm*** | ***Kiến thức trọng tâm*** |
| - Cho HS xem một số hình ảnh: | - HS làm việc cá nhân  + quan sát hình ảnh, trả lời, nhận xét |  |
| ***Káº¿t quáº£ hÃ¬nh áº£nh cho hÃ¬nh áº£nh trong truyá»n Thá» vÃ  rÃ¹aKáº¿t quáº£ hÃ¬nh áº£nh cho hÃ¬nh áº£nh trong truyá»n Thá» vÃ  rÃ¹aKáº¿t quáº£ hÃ¬nh áº£nh cho hÃ¬nh áº£nh trong truyá»n Thá» vÃ  rÃ¹a*** | | |
| ? Những hình ảnh trên gợi em liên tưởng đến câu chuyện nào?  ? Vì sao chú Thỏ vốn nhanh nhẹn mà cuối cùng lại thua anh Rùa chậm chạp ?  - Từ câu trả lời của HS, Gv dẫn vào bài mới: *Các em thân mến! “Thỏ và Rùa” là câu chuyện do nhà thơ La –phông-ten sáng tác. Chú Thỏ vốn nhanh nhẹn, hoạt bát kia vì chủ quan, kiêu ngạo, xem thường đối thủ mà đã thất bại trước anh Rùa chậm chạp nhưng chắn chắn. Cùng nhắc nhở con cháu trong cuộc sống không được chủ quan, kiêu ngạo, và phải luôn có ý thức học hỏi mở rộng tầm hiểu biết của mình, nhân dân ta từ xưa đã sáng tạo ra một câu chuyện rất hấp dẫn. Hôm nay cô và các em sẽ cùng nhau tìm hiểu câu chuyện đó.* | - SP:  *+ Câu chuyện Rùa và Thỏ*  *+ Thỏ chủ quan, kiêu ngạo*  - HS lắng nghe |  |
| **2. Hoạt động: Hình thành kiến thức** :( 25’ )  *\* Mục tiêu:* Giúp HS hình thành các kiến thức và kĩ năng sau:  - Đặc điểm của nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một tác phẩm ngụ ngôn.  - Ý nghĩa giáo huấn sâu sắc và nghệ thuật đặc sắc của truyện.  - Kể lại được truyện.  *\* Phương pháp, kĩ thuật:*  - Vấn đáp - gợi mở, thuyết trình, thảo luận nhóm, nêu và giải quyết vấn đề  - Động não, chia nhóm, đặt câu hỏi, trình bày 1 phút  \* *Phương tiện, thiết bị :* Sgk, bảng phụ. | | |
| **Tổ chức**  **các HĐ dạy học của GV** | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | **Kiến thức trọng tâm** |
| \***Bước 1: Hd hs tìm hiểu Truyện ngụ ngôn là gì?**  - gọi 1 hs đọc chú thích \*  ? Em hãy vận dụng kiến thức về nghĩa của từ để giải thích nghĩa từ “ngụ ngôn”.  - Gv nhận xét, hỗ trợ giải thích.  ? Dựa vào chú thích, em hãy cho biết: truyện ngụ ngôn là gì?  - Gv quan tâm HS yếu, kém.  - Bổ sung, nhấn mạnh những ý cơ bản.  *- Giới thiệu thêm cho HS về các nhà sáng tác ngụ ngôn nổi tiếng thế giới:*  *+ Ê-dốp (Hi Lạp cổ đại)*  *+ Trang Tử - Liệt Tử (Trung Hoa cổ đại)*  *+ La-phông-ten (Pháp – TK XVII)*  *+Ở VN, truyện ngụ ngôn chủ yếu là các sáng tác dân gian.*  **Bước 2: Hd hs Đọc – hiểu văn bản.**  **\* Hd đọc**: *đọc to, rõ ràng*  - gv cho hs đọc văn bản và nhận xét bạn đọc.  - cho 1 hs đọc chú thích giải nghĩa từ, gv giải nghĩa thêm 1 số từ khác mà HS chưa hiểu nghĩa.  **\* Hd hs x/đ bố cục:**  ? Nội dung của truyện có thể chia làm mấy phần? X/đ nội dung và ranh giới của từng phần.  - Gv theo dõi, nhận xét.  ? Dựa vào bố cục, em hãy kể lại nội dung câu chuyện.  - GV theo dõi, nhận xét.  **\* Hd hs phân tích**  - Cho HS trao đổi với bạn cùng bàn, xác định:  +Phương thức biểu đạt  + Ngôi kể  + Thứ tự kể  + Nhân vật chính trong câu chuyện.  ? Ếch sống trong môi trường như thế nào ?  ? Em có nhận xét gì về môi trường, hoàn cảnh sống ấy?  ? Hãy tìm những chi tiết kể về hành động, suy nghĩ của Ếch khi ở trong giếng?  ? Những chi tiết đó giúp em nhận ra đặc điểm nào trong tính cách của Ếch?  ? Qua phần tìm hiểu trên em có suy nghĩ gì về chú Ếch ?  **- Cho HS thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi sau:**  ? Qua hình ảnh con Ếch sống trong giếng, em thấy môi trường, hoàn cảnh sống ảnh hưởng như thế nào đến tính cách con người ?  ? Từ chuyện con Ếch, nhân dân ta muốn nói điều gì về chuyện con người?  *- Cho HS ghi kết quả vào giấy A0 rồi dán lên bảng.*  *- Quan tâm, hỗ trợ HS*.  **- Số phận của Ếch thay đổi như thế nào khi ra khỏi giếng, chúng ta tìm hiểu sang phần b.**  ? Ếch ra khỏi giếng bằng cách nào?  ? Lúc này có gì thay đổi trong hoàn cảnh sống của Ếch không?  ? Ếch có hành động, thái độ như thế nào trong môi trường sống mới ?  ? Kết cục chuyện gì xảy ra với Ếch? Em có suy nghĩ gì về kết cục đó ?  ? Theo em, Ếch nhận hậu quả như vậy là vì đâu?    ? Mượn sự việc này, người xưa muốn khuyên chúng ta điều gì?  - gv nhận xét,b/sung...  **\* Cho hs thảo luận nhóm nhỏ (4 HS):**  ? Qua câu chuyện này t/g dân gian muốn thể hiện điều gì ?  ? Tìm 2 câu văn em cho là quan trọng nhất trong việc thể hiện, nội dung ý nghĩa của truyện.  - Quan tâm HS yếu kém: ưu tiên các em đại diện nhóm trả lời.  - Gv theo dõi HS trình bày, nhận xét, kl, cho hs đọc ghi nhớ. | - HS làm việc cá nhân  + Đọc chú thích  + Giải nghĩa từ “ngụ ngôn”  *Ngụ: Hàm chứa ý kín đáo*  *Ngôn:* *Lời nói.*  *=> Ngụ ngôn: Lời nói có ý kín đáo để người đọc, người nghe tự suy ra mà hiểu.*  - HS trả lời cá nhân, nhận xét, bổ sung.  *Hình thức: viết bằng văn xuôi hoặc văn vần.*  *Đối tượng: Mượn chuyện vật hoặc về chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người.*  *Mục đích: Khuyên nhủ răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống.*  - HS làm việc cá nhân  + đọc VB, lắng nghe và nhận xét.  - HS trao đổi với bạn cùng bàn  + xác định bố cục, nêu ý kiến, nhận xét.  - SP:  *+ Từ đầu đến “chúa tể”: Ếch ở đáy giếng.*  *+ Còn lại : Ếch ra khỏi giếng.*  - HS kể lại nội dung truyện  - HS thảo luận cặp đôi  + trả lời, nhận xét  + SP:  *Phương thức biểu đạt: Tự sự*  *Ngôi kể : Ngôi ba.*  *Thứ tự kể : Trình tự thời gian – Kể xuôi*  *Nhân vật: Con Ếch*  - HS trả lời cá nhân, nhận xét  - HS xác định, trả lời, nhận xét.  - HS trả lời cá nhân  *+SP: Ếch có tầm nhìn hạn hẹp do sống lâu ngày trong giếng nhưng rất chủ quan, kiêu ngạo, ảo tưởng, ngộ nhận về mình.*  - Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi vào giấy A0 rồi dán lên bảng.  + Các nhóm khác theo dõi, nhận xét.  - SP:  *+ Môi trường sống hạn hẹp khiến người ta dễ chủ quan, kiêu ngạo, không biết thực chất về mình.*  *+ Phê phán những kẻ thiếu hiểu biết nhưng chủ quan, kiêu ngạo.*  - HS trả lời cá nhân, nhận xét.  *+ mưa lớn, nước tràn giếng, đưa Ếch ra ngoài.*  - HS làm việc cá nhân  + Trả lời, nhận xét  *+ vừa đáng thương vừa đáng trách*  *+ Do không thay đổi tư duy, nhận thức, lối sống khi hoàn cảnh sống thay đổi.*  - HS làm việc cá nhân  + Trả lời, nhận xét  - HS thảo luận nhóm nhỏ  + đứng tại chỗ trả lời câu hỏi, nhận xét  + SP:  1. *Ếch cứ tưởng … chúa tể.*  2. *Nó nhâng nháo … giẫm bẹp.*  - Đọc ghi nhớ | **I. Truyện ngụ ngôn là gì ?**  *(sgk)*  **II. Đọc hiểu văn bản.**  **1. Đọc:**  **2 . Bố cục:**  2 phần    **3. Phân tích:**  **a. Ếch khi ở trong giếng**  - Môi trường sống:  + ở lâu ngày trong giếng  + xung quanh chỉ có vài con vật bé nhỏ.  Nhỏ bé, chật hẹp, tăm tối.  - Hành động:  + cất tiếng kêu làm các con vật hoảng sợ  - Suy nghĩ:  + trời chỉ bé bằng cái vung  + nó oai như một vị chúa tể.  Ếch rất huênh hoang, tự đắc.    **b.** **Ếch khi ra khỏi giếng**  - Môi trường sống : rộng lớn  - Hành động, thái độ:  + nghêng ngang đi lại khắp nơi  + cất tiếng kêu ồm ộp  + nhâng nháo nhìn bầu trời,  - Kết cục: bị trâu đi qua giẫm bẹp.  Ếch vừa đáng thương vừa đáng trách.  **c. Ý nghĩa của truyện.**  - Phê phán những kẻ hiểu biết ít mà lại huênh hoang.  - Khuyên người ta cố gắng mở rộng tầm hiểu biết, không được chủ quan, kiêu ngạo. |
| **3. Hoạt động Luyện tập:** ( 5 ’)  *\* Mục đích*: HS kể lại truyện để củng cố, khắc sâu kiến thức.  *\* Phương pháp, kĩ thuật*:  - Trực quan, thuyết trình  - Động não  *\* Phương tiện*: Tranh, ảnh  *\* Phát triển năng lực:* Tư duy, sử dụng ngôn ngữ. | | |
| **Tổ chức**  **các HĐ dạy học của GV** | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | **Kiến thức trọng tâm** |
| - Cho HS nhìn tranh kể diễn cảm truyện.  - GV theo dõi HS trả lời, nhận xét, góp ý. | - HS làm việc cá nhân  + Quan sát tranh, kể lại truyện  + Nhận xét, đánh giá. | **II. Luyện tập:**  1. Kể diễn cảm truyện: |
| **Káº¿t quáº£ hÃ¬nh áº£nh cho HÃ¬nh áº£nh trong truyá»n áº¿ch ngá»i ÄÃ¡y giáº¿ngKáº¿t quáº£ hÃ¬nh áº£nh cho HÃ¬nh áº£nh trong truyá»n áº¿ch ngá»i ÄÃ¡y giáº¿nguntitled4trau231006** | | |
| **4. Hoạt động Vận dụng :** ( 7’ )  *\* Mục đích*: Giúp HS liên hệ các sự việc trong truyện với những tình huống, hoàn cảnh thực tế.  *\* Phương pháp, kĩ thuật*:  - Vấn đáp  - Động não, trình bày 1 phút. | | |
| **Tổ chức**  **các HĐ dạy học của GV** | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | **Kiến thức trọng tâm** |
| ? Qua câu chuyện này em rút ra được bài học gì cho mình ?  - GV theo dõi, định hướng cho HS rút ra bài học nhận thức đúng đắn.  ? Em hãy nêu 1 số hiện tượng trong cuộc sống ứng với thành ngữ “Ếch ngồi đáy giếng”.  - Gv theo dõi phần trình bày của HS, nhận xét, góp ý. | - HS trả lời cá nhân, nhận xét.  - SP:  *+ Luôn cẩn thận, biết điểm yếu của mình để khắc phục.*  *+ Luôn học hỏi, mở rộng tầm hiểu biết, không hài lòng với kiến thức của bản thân.*  *+ Phải khiêm tốn, không được chủ quan, kiêu ngạo,..*  *+ ….*  - HS thảo luận cặp đôi  + trả lời, nhận xét  + SP: *Học chưa giỏi mà tự kiêu nên khi gặp bài làm khó thì làm sai, điểm kém.*  *+ Nhiều người lúc nào cũng huênh hoang về sự hiểu biết có khi chưa chính xác của mình về xã hội, đất nước, thế giới,…*  *+ Có người lúc nào cũng khư khư cho rằng quan niệm sống của mìnhlà đúng mà không biết rằng nó đã lạc hậu, lỗi thời.*  *+ …* | 1. Rút ra bài học cho bản thân:    2. Nêu 1 số hiện tượng trong cuộc sống ứng với thành ngữ “Ếch ngồi đáy giếng”. |
| **5. Hoạt động Tìm tòi ,mở rộng:** ( 2’)  *\* Mục đích*: Giúp HS tìm hiểu thêm những kiến thức có liên quan đến nội dung bài học để mở rộng, khắc sâu kiến thức.  *\* Phương pháp, kĩ thuật*:  *- Luyện tập.*  *- Giao việc.*  \**Phát triển năng lực*: Tự học, tư duy sáng tạo. | | |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm*** | ***Kiến thức trọng tâm*** |
| - GV nêu yêu cầu:  ? Tìm một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao liên quan đến nội dung câu chuyện*.*  - Cho HS về nhà tìm, ghi vào vở BT.  - Gv kiểm tra ở tiết 40 | - HS làm việc cá nhân ở nhà, ghi vào vở BT  *+ Coi trời bằng vung*  *+ Chủ quan khinh địch*  *+ Thùng rỗng kêu to*  *+ Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.*  *+ Con cóc nằm góc bờ ao*  *Lăm le lại muốn đớp sao trên trời.* | \* Tìm một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao liên quan đến nội dung câu chuyện*.* |

**\*Hướng dẫn HS học ở nhà:** (1’)

- Đọc kĩ truyện, tập kể diễn cảm câu chuyện theo đúng trình tự các sự việc.

- Nắm kĩ bài học nhận thức rút ra từ câu chuyện.

- Soạn văn bản “Thầy bói xem voi”: đọc văn bản, trả lời các câu hỏi phần Đọc hiểu.

**Rút kinh nghiệm:**

**- Gv hướng hs phần tóm tắt.**

**- Gv cần cho hs gạch chi tiết trong sgk**

**Ngày dạy: 10/11/2020**

**Lớp dạy: 6/5**

**TUẦN 10**

**TIẾT 39**

**CỤM DANH TỪ**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:** HS cần nắm được

- Đặc điểm của cụm danh từ;

- Cấu tạo của phần trung tâm, phần trước và phần sau.

## II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, sách giáo viên, bảng phụ.

- Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

## III/ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

**1/ Ổn định lớp:**

**2/ Kiểm tra bài cũ:** Danh từ chỉ sự vật gồm những loại nào? Cho Vd.

**3. Giới thiệu bài:** Ở bài trước chúng ta đã học vầ danh từ. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu sự kết hợp của danh từ với một số từ ngữ phụ thuộc để tạo nên một đơn vị lớn hơn là cụm danh từ.

**4/ Tiến trình dạy học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1*:* TÌM HIỂU “CỤM DANH TỪ LÀ GÌ?”**  **VD1**:  Ngày **xưa**, có **hai** vợ chồng **ông lão đánh cá** ở với nhau trong **một** túp lều **nát trên bờ biển**.  (*Ông lão đánh cá và con cá vàng*)  **H1:** Những từ ngữ được in đậm bổ sung ý nghĩa cho từ nào?  **H2**: Các từ ngày, vợ chồng, túp lều thuộc từ loại gì?  **GV**: Các từ ngữ in đậm trong câu bổ nghĩa cho các danh từ trung tâm.Các tổ hợp từ được tạo ra bởi danh từ trung tâm (*ngày, vợ chồng, túp lều*) và các phụ ngữ như *ngày xưa, hai vợ chồng ông lão đánh cá, một túp lều nát trên bờ biển* được gọi là cụm danh từ.  **H3**: Em hãy cho biết cụm danh từ là gì?  GV cho HS đọc Ghi nhớ.  **VD2**:  - túp lều / một túp lều  - một túp lều / một túp lều nát  - một túp lều nát / một túp lều nát trên bờ biển  **H4**: So sánh các cách nói trên rồi rút ra những nhận xét về nghĩa của cụm danh từ so với một danh từ?  **H5**: Hãy tìm một cụm danh từ và đặt câu với cụm danh từ ấy?  **H6**: Hãy nhận xét về hoạt động trong câu của cụm danh từ so với nghĩa của một danh từ?  GV tổng kết lại và cho HS đọc Ghi nhớ.  **HOẠT ĐỘNG 2: TÌM HIỂU “CẤU TẠO CỦA CỤM DANH TỪ”**  **VD2**:  Vua sai ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp với ba con trâu đực, ra lệnh phải nuôi làm sao cho ba con trâu ấy đẻ thành chín con, hẹn năm sau phải đem nộp đủ, nếu không thì cả làng phải tội.  (*Em bé thông minh*)  **H7**: Hãy tìm các cụm danh từ có trong câu trên?  **H8**: Tìm các từ ngữ phụ thuộc đứng trước và sau danh từ?  GV giải thích mô hình trong SGK.  - Phụ ngữ trước của danh từ có hai loại (kí hiệu là t1 và t2).  + Phụ ngữ chỉ số lượng(t1): mọi, các, từng, những, mỗi; hai, ba, bốn, bảy,...  + Phụ ngữ chỉ toàn thể(t2): tất cả, hết thảy, toàn bộ, toàn thể...  - Phụ ngữ sau có số lượng từ rất lớn.  + s2: phụ ngữ sau ở vị trí cuối cùng của cụm danh từ thường do các chỉ từ đảm nhiếm như: này, ấy, đó...  + s1: cần lưu ý s1 ở đây không có nghĩa là chỉ có một phụ từ mà là ở vị trí thứ nhất.  - Phần trung tâm của cụm danh từ không phải là một từ mà là một bộ phận ghép gồm hai từ, tạo thành trung tâm 1 (T1) và trung tâm 2 (T2). T1 là trung tâm chỉ đơn vị tính toán, T2 là trung tâm chỉ đối tượng được đem ra tính toán. T1 chỉ chủng loại khái quát, T2 chỉ đối tượng cụ thể. Phần trung tâm có thể đầy đủ T1, T2 hoặc thiếu một trong hai.  GV cho HS điền các cụm danh từ tìm được vào mô hình trong SGK.  **HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP** | - Từ *xưa*: bổ sung ý nghĩa cho từ ngày.  - Các từ ngữ hai, ông lão đánh cá, một, nát trên bờ biển bổ sung cho các từ vợ chồng, túp lều.  - Danh từ  - Cụm danh từ là loại tổ hợp từ do danh từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.  - Túp lều: Danh từ.  - Một túp lều: Cụm danh từ rõ về số lượng.  - Một túp lều nát: Số lượng + tính chất.  - Một túp lều nát trên bờ biển: Số lượng + tính chất + địa điểm.  *Nhận xét:* Nghĩa của cụm danh từ đầy đủ hơn nghĩa một mình danh từ. Số lượng phụ ngữ càng tăng, càng phức tạp hoá thì nghĩa của cụm danh từ càng đầy đủ hơn.  - Cụm danh từ hoạt động trong câu như một danh từ (có thể làm chủ ngữ, làm phụ ngữ; khi làm phụ ngữ thì phải có từ là đứng trước).    - *làng ấy;*  *- ba thúng gạo nếp;*  *- ba con trâu đực;*  *- ba con ttrâu ấy;*  *- chín con;*  *- năm sau;*  *- cả làng*.  - Các từ ngữ phụ thuộc đứng trước danh từ: *cả, ba, chín.*  - Các từ ngữ phụ thuộc đứng sau danh từ: *ấy, nếp, đực, sau*. | **I. CỤM DANH TỪ LÀ GÌ?**  **VD:**  Ngày xưa, có hai vợ chồng ông lão đánh cáở với nhau trong một túp lều nát trên bờ biển.  (Ông lão đánh cá và con cá vàng)  Ghi nhớ (SGK/117)  **II.CẤU TẠO CỦA CỤM DANH TỪ:**  **VD**: HS vẽ mô hình trong SGK trang 117.  Ghi nhớ (SGK/118)  **III/ LUYỆN TẬP:** |

**MÔ HÌNH**:

| PHẦN TRƯỚC | | PHẦN TRUNG TÂM | | PHẦN SAU | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| t2 | t1 | T1 | T2 | s1 | s2 |
|  |  |  | làng |  | ấy |
|  | ba | thúng | gạo nếp |  |  |
|  | ba | con | trâu | đực |  |
|  | ba | con | trâu |  | ấy |
|  | chín | con |  |  |  |
|  |  | năm |  | sau |  |
| cả |  |  | làng |  |  |

**Bài tập 1:** Các cụm danh từ trong câu:

a/ một người chồng thật xứng đáng

b/ một lưỡi búa của cha để lại

c/ một con yêu tinh ở trên núi, có nhiều phép lạ

**Bài tập 2:**

| PHẦN TRƯỚC | | PHẦN TRUNG TÂM | | PHẦN SAU | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| t2 | t1 | T1 | T2 | s1 | s2 |
|  | một | người | chồng | thật xứng đáng |  |
|  | một | lưỡi | búa | của cha để lại |  |
|  | một | con | yêu tinh | ở trên núi, có nhiều phép lạ |  |

**Bài tập 3:**

Điền các phụ ngữ vào chỗ trống ta được:

- Chàng vứt luôn thanh sắt **ấy** xuống nước.

- Thận không ngờ thanh sắt **vừa rồi** lại chui vào lưới mình.

- Lần thứ ba, vẫn thanh sắt **cũ** mắc vào lưới.

**4. Dặn dò:**

- Học thuộc Ghi nhớ.

- Làm bài tập 1, 2,3 vào tập.

1. **RÚT KINH NGHIỆM:**

**- Bài khó, gv cần giảng chậm.**

**- Chú ý nhấn vào phần cấu tạo**

**- Cần lưu ý thời gian.**

**Ngày dạy: 10/10/2020**

**Lớp dạy: 6/5**

**TUẦN 10**

**TIẾT 40**

***Tập làm văn:* NGÔI KỂ VÀ LỜI KỂ TRONG VĂN TỰ SỰ**

**I .MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức**:

- Khái niệm ngôi kể.

- Sự khác nhau giữa ngôi kể thứ 1 và ngôi kể thứ 3.

- Đặc điểm riêng của mỗi ngôi kể.

**2. Kĩ năng**:

- Lựa chọn và thay đổi ngôi kể thích hợp trong văn bản tự sự.

- Vận dụng ngôi kể vào đọc-hiểu văn bản.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức trong khi sử dụng ngôi kể.

**4. Định hướng phát triển năng lực học sinh:**

- Phát triển năng lực đọc-hiểu, hợp tác, năng lực tự quản, năng lực giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo

**II/ PHƯƠNG PHÁP / KĨ THUẬT DẠY HỌC:**

**1. Phương pháp:** thuyết trình, trực quan, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm,gợi mở,...

**2. Kĩ thuật:** đọc tích cực,trình bày 1 phút, khăn trải bàn, đặt câu hỏi, chia nhóm,...

**III .CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS :**

***- GV* :** Đọc "Những điều cần lưu ý" (sgk), Sách chuẩn kiến thức - kĩ năng.

***- HS*** : Sọan bài theo gợi ý sgk.

**IV/ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HOC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***1. Hoạt động khởi động:* (5phut)**  **Mục đích**: Tạo cho HS hiểu được ý nghĩa các câu chuyện trong đời sống  **Phương pháp:** Trực quan,vấn đáp  **Kĩ thuật**: Đặt câu hỏi  - Hướng dẫn, hỗ trợ: Quan tâm những em còn rụt rè, yếu kém  - Phương án đánh giá: Chọn những ý kiến gần đúng hoặc đúng vớí yêu cầu | | |
| ***Tổ chức***  ***các HĐ dạy học của GV*** | ***Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm*** | ***Kiến thức trọng tâm*** |
| - Giao việc:  GV chiếu một số hình ảnh, yêu cầu: Nêu những điều mà em cảm nhận được sau khi xem các hình ảnh trên?  *Các em đã học văn bản tự sự, chắc hẳn các em cũng biết tự sự chủ yếu là kể người, kể việc. Tuy vậy trước một văn bản tự sự, để biết văn bản đó kể vê ai ? Kể về việc gì ? Kể như thế nào ? thì cần phải có người kể. Mỗi một câu chuyện người kể chọn một vị trí kể khác nhau và lời kể cũng khác nhau. Để biết rõ tại sao như vậy, hôm nay cô cùng các em tìm hiểu bài "Ngôi kể và lời kể trong văn bản tự sự"* | -HS thực hiện  -HS nêu cảm nhận của mình  -HS lắng nghe |  |
| **2. Hoạt động: Hình thành kiến thức** :( 20’ )  *\* Mục tiêu:* Giúp HS hình thành các kiến thức và kĩ năng sau:  - Ngôi kể là vị trí giao tiếp mà người kể sử dụng để kể chuyện.  - Ngôi kể thứ nhất.  **-** Ngôi kể thứ ba.  - Biết viết lời văn bằng những ngôi kể khác nhau.  - Hướng dẫn HS thực hiện hoạt động học tập khai thác, tìm hiểu, chiếm lĩnh tri thức theo từng nội dung; hình thành các kĩ năng, các năng lực cần thiết, giáo dục tư tưởng, tình cảm, tự hoàn chỉnh, hoàn thiện nhân cách bản thân.  *\* Phương pháp, kĩ thuật:*  - Thuyết trình, trực quan, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm,gợi mở, phân tích, tổng hợp,...  - Đọc tích cực,trình bày 1 phút, khăn trải bàn, đặt câu hỏi, chia nhóm, sơ đồ tư duy,...  \* *Phương tiện, thiết bị :* Sgk, bảng phụ. | | |
| **Tổ chức**  **các HĐ dạy học của GV** | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | **Kiến thức trọng tâm** |
| **Bước 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu ngôi kể (phương pháp: nêu vấn đề, phân tích mẫu)**  \* GV treo bảng phụ có ghi 2 đoạn văn trong sgk  Gọi HS đọc 2 đoạn văn  Đoạn 1: "Vua và đình thần phục hẳn" ( Em bé thông minh )  Đoạn 2 : "Bởi tôi ... giòn giã"  ( Tô Hoài )  **Hỏi:** Thử cho biết người kể đoạn 1 là ai ? Người ấy ở vị trí nào để kể ?  **Hỏi:** Người kể của đoạn 2 có khác với đoạn 1 không ? Vì sao ?  **GV:** Tuỳ từng câu chuyện mà người kể chọn vị trí quan sát để kể, có thể người kể đóng vai nhân vật, có thể tự kể, có thể là tác giả và cũng có thể một người nào đó trong tác phẩm .  **Hỏi:** Sự lựa chọn vị trí kể như vậy được gọi là ngôi kể. Vậy em hiểu ngôi kể là gì ?  ( GV chốt lại kiến thức, ghi bảng)  **Bước 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu các cách kể chuyện theo ngôi thứ ba . (phương pháp: nêu vấn đề, phân tích mẫu)**  \* Cho HS quan sát lại đoạn 1  **Hỏi:** Hãy cho biết trong đoạn này người kể gọi các nhân vật bằng gì ?  **Hỏi:** Chỉ ra các tên gọi ấy ?  **Hỏi:** Em có nhận xét gì về cách gọi ấy ?  **Hỏi:** Trong cách gọi tên nhân vật như vậy người kể có cùng hiện diện với sự việc được kể không ?  **Hỏi:** Khi không xuất hiện thì người kể như thế nào ?  **Hỏi:** Em hãy phân tích đoạn 1 để làm rõ cách kể mà em vừa nêu?  **Hỏi:** Cô gọi cách kể như đoạn 1 là kể theo ngôi thứ ba? Em hiểu gì về cách kể này ?  ( GV nhận xét, ghi bảng )  **Bước 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu các cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất . (phương pháp: nêu vấn đề, phân tích mẫu)**  \* Cho HS quan sát đoạn văn 2 .  **Hỏi:** Có ý kiến cho rằng đoạn văn này được kể theo ngôi 3, em có đồng ý không ? Vì sao ?  **Hỏi:** Vậy em hãy tìm từ mà người kể dùng để xưng trong đoạn này?  **Hỏi:** Từ *tôi* được người kể dùng để chỉ ai ?  **Hỏi:** Tự xưng mình là *tôi* người kể kể được những gì ?  ( Dựa vào đoạn văn 2 trả lời )  **Hỏi:** Cách kể như vậy gọi là kể theo ngôi thứ nhất. Vậy em hiểu gì về cách kể này ?  ( GV nhận xét, ghi bảng) | **TL:** Đoạn 1: Người kể không thể hiện rõ là ai nhưng lại ở nhiều nơi nên mới biết nhiều chuyện.  **TL:** Người kể đoạn 2 khác đoạn 1 vì ở đây người kể tự xưng là *tôi*, tự kể chuyện mình .  **TL:** Ngôi kể là vị trí giao tiếp mà người kể sử dụng để kể chuyện  **TL:** Người kể gọi bằng tên  **TL:** Vua, đình thần, thằng bé, hai cha con, sứ giả họ, em bé, cha ...gọi bằng tên các nhân vật  **TL:** Người kể gọi theo cách thông thường mà mọi người vẫn gọi nhau, căn cứ vào chức vụ, gới tính, độ tuổi, quan hệ ..  **TL:** Người kể không xuất hiện ( tự giấu mình đi )  **TL:** Kể một cách tự do, linh hoạt có thể chuyển điểm nhìn từ nhân vật này sang nhân vật khác và tự do kể mọi chuyện  **TL:** Lúc đầu người kể về việc mình đang ở cung vua, biết được ý nghĩ của vua và đình thần đặc biệt ý định của vua muốn thử tài thằng bé một lần nữa. Tiếp theo người kể có mặt tại công quán chứng kiến cảnh hai cha con ăn cơm thì có sứ giả và nhà vua đến và nghe lời nói của em bé .  **TL:** - Gọi các nhân vật bằng tên của chúng, người kể tự giấu mình đi. Người kể có thể linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật.  - Kể theo ngôi thứ ba lời kể có tính khách quan .  **TL:** Không, vì người kể không gọi nhân vật bằng tên gọi của chúng.  **TL:** Từ *tôi*  **TL:** Từ *tôi* người kể tự xưng .  **TL:** Người kể chỉ kể được những gì trong phạm vi mình, có thể biết được và cảm thấy ( biết mình ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực, biết mình cường tráng, càng mẫm bóng, vuốt cứng dần lên, cánh dài ra ..), những điều mà người ngoài có thể không để ý và không biết được .  **TL:** - Người kể xưng "tôi", người kể có trực tiếp kể ra những gì mình nghe, mình thấy, mình trải qua, có thể trực tiếp nói ra cảm tưởng, ý nghĩ của mình  - Kể theo ngôi thứ nhất lời kể có tính chủ quan . | **1. Ngôi kể là gì:**  Ngôi kể là vị trí giao tiếp mà người kể sử dụng để kể chuyện  **2. Kể theo ngôi thứ 3**  - Gọi các nhân vật bằng tên của chúng, người kể tự giấu mình đi. Người kể có thể linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật.  - Kể theo ngôi thứ ba lời kể có tính khách quan .  **3. Ngôi thứ nhất**  - Người kể xưng "tôi", người kể có trực tiếp kể ra những gì mình nghe, mình thấy, mình trải qua, có thể trực tiếp nói ra cảm tưởng, ý nghĩ của mình  - Kể theo ngôi thứ nhất lời kể có tính chủ quan . |
| **3. Hoạt động Luyện tập:**  *\* Mục đích*: giúp HS vận dụng kiến thức vừa được học để giải các bài tập nhằm khắc sâu kiến thức.  *\* Phương pháp, kĩ thuật*:  - Vấn đáp, gợi mở, luyện tập  - Động não  *\* Phương tiện*: Sgk | | |
| **Tổ chức**  **các HĐ dạy học của GV** | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | **Kiến thức trọng tâm** |
| **\* Cho HS quan sát bài tập 2 sgk**  **Hỏi:** Đoạn văn trên được kể theo ngôi thứ mấy ?  **Hỏi:** Đoạn văn trên chuyển thành ngôi thứ nhất được không ? Em hãy đổi thành ngôi kể thứ nhất ?  **Hỏi:** Hãy chuyển đổi đoạn văn 1 trong phần tìm hiểu bài thành ngôi thứ nhất ?  "Vua và đình thần ...phục hẳn".  **Hỏi:** Cả hai đoan văn đều kể theo ngôi thứ ba nhưng tại sao đoạn này chuyển không được ?  ( Cho HS thảo luận )  **Hỏi:** Từ hai trường hợp trên, em rút ra kết luận gì ?  **\* Cho HS quan sát lại đoạn văn 2 trong tìm hiểu bài .**  "Bởi tôi ...giòn giã".  **Hỏi:** Theo em nhân vật xưng tôi trong đoạn này có phải là tác giả không ?  **Hỏi:** Qua đó, em rút ra kết luận gì?  **GV nói thêm:** Cũng có những trường hợp người kể xưng tôi lại là chính tác giả ( chẳng hạn, lớp ở 8 có đoạn trích "Trong lòng mẹ" và lớp 9 c  ó "Những đứa trẻ" | **TL:** Đoạn văn trên được kể theo ngôi thứ ba .  **TL:** Được, HS chuyển đổi  **TL:** Không chuyển đổi được .  **TL:** Vì đoạn văn trong bài tập 2 các sự việc chỉ liên quan đến một mình nhân vật Thanh nên dễ dàng chuyển đổi, đoạn văn 1 trong tìm hiểu bài rất nhiều nhân vật, nên chuyển thành ngôi thứ nhất nhân vật tôi không quan sát được hết.  **TL:** Để kể chuyện cho linh hoạt, thú vị, người kể có thể lựa chọn ngôi kể thích hợp  **TL:** Nhân vật xưng tôi không phải là tác giả mà là Dế Mèn  **TL:** Người kê xưng "tôi" trong tác phẩm không nhất thiết là chính tác giả . | Để kể chuyện cho linh hoạt, thú vị, người kể có thể lựa chọn ngôi kể thích hợp.  - Người kê xưng "tôi" trong tác phẩm không nhất thiết là chính tác giả |
| **4. Hoạt động Vận dụng :**  *\* Mục đích*: giúp HS vận dụng các kiến thức được học trong bài để viết thành đoạn văn, bài văn với nhiều ngôi kể khác nhau  *\* Phương pháp, kĩ thuật*:  - Luyện tập  - Viết tích cực, trình bày 1 phút | | |
| **Tổ chức**  **các HĐ dạy học của GV** | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | **Kiến thức trọng tâm** |
| **\*GV chia lớp thành 4 nhóm.**  **Nhóm 1,3:**  - Cho HS viết đoạn văn kể chuyện Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt xông trận, giết giặc Ân ở ngôi thứ 3  **Nhóm 2,3:**  -Cho HS viết đoạn văn kể về cảm xúc của mình khi được nhận quà từ người bạn thân.  - Đại diện nhóm trình bày đoạn văn trước lớp. Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét. Gv theo dõi, nhận xét, góp ý, cho điểm. | -HS làm việc nhóm  -Đại diện HS trình bày  -Các nhóm lắng nghe, nhận xét. |  |
| **5. Hoạt động Tìm tòi ,mở rộng:**  *\* Mục đích*: Học sinh tự học, tìm tòi, sưu tầm, tìm tòi để khác sâu kiến thức.  *\* Phương pháp, kĩ thuật*:  - giao việc, khai thác thông tin  *\* Phương tiện*: Sgk.  \* *Phát triển năng lực*: Tìm tòi, sáng tạo. | | |
| **Tổ chức**  **các HĐ dạy học của GV** | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | **Kiến thức trọng tâm** |
| **Hỏi:** Xác đinh ngôi kể trong cá truyện mà em đã học | -HS thực hiện |  |

\* ***Hướng dẫn về nhà***

- Nắm kiến thức bài học .

- Soạn bài: luyện tập ngôi kể và lời kể

**RÚT KINH NGHIỆM**

**- Cần cho hs nhận diện về hình thức các ngôi kể.**

**- Phần bài tập gv cần hướng dẫn.**

**- Cần lưu ý thời gian.**

**Ngày dạy: 16/11/2020**

**Lớp dạy: 6/5**

**TUẦN 11**

**TIẾT 41**

**Văn bản: THẦY BÓI XEM VOI**

(Truyện ngụ ngôn)

**I. Mục tiêu cần đạt**: Qua bài học này giúp HS:

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm của nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một tác phẩm ngụ ngôn.

- Ý nghĩa giáo huấn sâu sắc của truyện ngụ ngôn.

- Cách kể chuyện ý vị, tự nhiên, độc đáo.

**2. Kĩ năng:**

**-** Đọc – hiểu văn bản truyện ngụ ngôn.

- Liên hệ các sự việc trong truyện với những tình huống, hoàn cảnh thực tế.

- Kể diễn cảm truyện.

\* KNS: Tự nhận thức và đánh giá bản thân, giải quyết vấn đề , giao tiếp

**3. Thái độ:**

- Có ý thức xem xét toàn diện một vấn đề nào đó trước khi đưa ra kết luận.

**4. Định hướng phát triển năng lực, phẩm chất:**

- Giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tự học.

- Tự lực, sáng tạo, có trách nhiệm với bản thân .

**II. Phương pháp và kĩ thuật dạy học:**

- Vấn đáp, gợi mở, giảng bình, thảo luận nhóm, nêu và giải quyết vấn đề, …

- Động não, đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia nhóm,…

**III.** **Chuẩn bị:**

**1. GV**: Nghiên cứu bài giảng, soạn giáo án, tranh ảnh.

**2. HS**: Soạn bài theo các câu hỏi trong Sgk.

**IV. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động Khởi động :** (5’)  *\* Mục tiêu*: giúp HS huy động kiến thức đã có để khám phá kiến thức mới; tạo hứng thú cho HS vào học bài mới.  *\* Phương pháp, kĩ thuật*:  - Vấn đáp, thuyết trình.  - Đặt câu hỏi, động não. | | |
| ***Tổ chức***  ***các HĐ dạy học của GV*** | ***Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm*** | ***Kiến thức trọng tâm*** |
| - Gv hỏi:  ? Đã bao giờ em nghi oan cho người khác hay bị người khác nghi oan chưa ?  ? Theo em, nguyên nhân đâu dẫn đến chuyện nghi oan như vậy ?  - Từ câu trả lời của HS, Gv dẫn vào bài mới: *Các em thân mến! Trong cuộc sống, đôi khi chúng ta đánh giá sự vật, sự việc một cách phiến diện, không có cái nhìn bao quát để rồi xảy ra những sai lầm đáng tiếc. Nhằm khuyên nhủ mọi người nên có cái nhìn toàn diện hơn trước khi đưa ra nhận xét, đánh giá về một vấn đề nào đó, tác giả dân gian đã sáng tác ra một câu chuyện rất thâm thúy. Hôm nay cô và các em cùng nhau tìm hiểu câu chuyện này.* | - HS làm việc cá nhân  + trả lời, nhận xét  - HS lắng nghe |  |
|  |
| **2. Hoạt động: Hình thành kiến thức** :( 25’ )  *\* Mục tiêu:* Giúp HS hình thành các kiến thức và kĩ năng sau:  - Đặc điểm của nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một tác phẩm ngụ ngôn.  - Ý nghĩa giáo huấn sâu sắc và nghệ thuật đặc sắc của truyện.  - Kể lại được truyện.  *\* Phương pháp, kĩ thuật:*  - Vấn đáp - gợi mở, thuyết trình, thảo luận nhóm, nêu và giải quyết vấn đề  - Động não, chia nhóm, đặt câu hỏi, trình bày 1 phút  \* *Phương tiện, thiết bị :* Sgk, bảng phụ. | | |
| **Tổ chức**  **các HĐ dạy học của GV** | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | **Kiến thức trọng tâm** |
| **Bước 1: Hd hs Đọc – hiểu văn bản.**  **\* Hd đọc**: Gv cho HS đọc phân vai.  *+ Giọng các thầy bói quả quyết, đầy tự tin, mạnh mẽ.*  - cho 1 hs đọc chú thích giải nghĩa từ, gv giải nghĩa thêm 1 số từ khác mà HS chưa hiểu nghĩa.  \* Hd x/đ bố cục của VB:  ? Em có thể chia bố cục của truyện thành mấy phần ? Nội dung của từng phần.  ? Em có nhận xét gì về bố cục của VB ?  *- GV: Kết cấu câu chuyện diễn ra theo trình tự : sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc.* | - HS làm việc cá nhân  + đọc VB và nhận xét.  - Trao đổi với bạn cùng bàn, x/đ bố cục VB  - SP:  *+ hoàn cảnh xem voi*  *+ cách xem voi*  *+ kết quả*  - SP: *Bố cục ngắn gọn, chặt chẽ.* | **I. Đọc hiểu văn bản.**  **1. Đọc :**  **2. Bố cục:**  3 phần |
| **\* Hd hs phân tích**  ? Các thầy bói ở đây có đặc điểm nào chung?  ? Họ nảy ra ý định xem voi trong hoàn cảnh nào?  ? Như vậy việc xem voi của các thầy đã có sẵn dấu hiệu nào không bình thường?  -*gv nhận xét, bổ sung.*  **- Cho HS thảo luận:**  ? Việc xem voi của các thầy diễn ra như thế nào?  ? Em có nhận xét gì về cách xem voi của các thầy?  ? Cách lặp lại cụm từ “thầy thì sờ” có tác dụng gì ?  ? Sau khi xem voi, các thầy lần lượt phán về hình thù con voi như thế nào?  *- Cho HS ghi kết quả vào giấy A0 rồi dán lên bảng.*  *- GV quan tâm HS yếu, kém*  *- Theo dõi phần trình bày của HS, nhận xét, chốt.*  ? Niềm tin của các thầy về voi còn được diễn tả qua những từ ngữ nào ?  ? Em có suy nghĩ gì về nhận định của 5 thầy ?  ? Việc phán voi của các thầy đã dẫn đến hậu quả như thế nào ?  ? Nguyên nhân nào dẫn đến hậu quả này ?    ? Mượn chuyện các thầy bói xem voi, người xưa muốn khuyên răn chúng ta điều gì?  - gv nhận xét,b/sung...  ? Truyện ngụ ngôn này đã trở thành một thành ngữ quen thuộc trong đời sống xã hội. Đó là thành ngữ nào?  - gv theo dõi, nhận xét, kl, cho hs đọc ghi nhớ. | - HS trả lời cá nhân.  - SP:  *+ đều bị mù*  *+ nhân buổi ế hàng, rảnh rỗi.*  - HS trả lời cá nhân  - SP: *người mù mà lại muốn xem voi, vui chuyện tán gẫu chứ không có ý định nghiêm túc.*  - Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi vào giấy A0 rồi dán lên bảng.  + Các nhóm khác theo dõi, nhận xét.  - SP: + *mỗi thầy xem một bộ phận của con voi.*  *+ Nhấn mạnh cách xem voi của các thầy.*  - HS trả lời, nhận xét  - SP: *sun sun như con đỉa, chần chẫn như cái đòn càn,…*  *Các thầy càng tự tin hơn về nhận định của mình.*  - HS thảo luận cặp đôi  + trả lời, nhận xét  - SP:  *+ Xét từng bộ phận, sự ss có phần hợp lí.*  *+ Sai lầm của các thầy là lấy bộ phận để khái quát lên toàn thể con voi.*  - HS trả lời cá nhân, nhận xét  - SP:  *+ Đánh nhau toác đầu, chảy máu.*  *+ Các thầy nói không đầy đủ về hình thù con voi, mỗi người chỉ biết 1 bộ phận nhưng ai cũng xem chân lí thuộc về mình.*  - HS thảo luận cặp đôi rút ra ý nghĩa của truyện.  - HS trả lời cá nhân  *+ Thầy bói xem voi.*  - Đọc ghi nhớ. | **3. Phân tích:**  **a. Cách các thầy bói xem và phán về voi.**  - Dùng tay để sờ  - Mỗi thầy xem 1 bộ phận của con voi rồi phán:  + thầy thì sờ vòi con voi  sun sun  như con đỉa.  + thầy thì sờ ngà nó chần  chẫn như  cái đòn càn  + thầy thì sờ tai nó bè bè  như cái quạt  thóc  + thầy thì sờ chân nó sừng  sững như cái  cột đình  + thầy thì sờ đuôi chính nó  tun tủn như  cái chổi sể  cùn.  *Điệp ngữ: Từ láy gợi nhấn mạnh cách hình, so sánh: xem voi của các tô đậm thêm thầy. sai lầm về*  *cách phán voi.*  **b. Ý nghĩa của truyện:**  **-** Khuyên người ta: muốn hiểu biết sự vật, sự việc phải xem xét chúng một cách toàn diện. |
| **3. Hoạt động Luyện tập:** ( 7 ’)  *\* Mục đích*: HS vận dụng kiến thức đã chiếm lĩnh để củng cố, khắc sâu kiến thức.  *\* Phương pháp, kĩ thuật*:  - Vấn đáp  - Động não  *\* Phương tiện*: sgk  *\* Phát triển năng lực:* Tư duy | | |
| **Tổ chức**  **các HĐ dạy học của GV** | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | **Kiến thức trọng tâm** |
| **- Cho HS thảo luận nhóm:**  ? Chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau của hai truyện “Ếch ngồi đáy giếng” và “Thầy bói xem voi”.  - GV cho HS ghi kết quả vào giấy A0 rồi dán lên bảng.  - Gv nhận xét SP của các nhóm, nhận xét, góp ý. | - Thảo luận nhóm, ghi kết quả vào giấy A0 dán lên bảng.  - SP:  *+ Giống: đều nêu ra những bài học về nhận thức, nhắc người ta không được chủ quan trong việc nhìn nhận sự vật, sự việc xung quanh.*  *+ Khác:*  *Ếch ngồi đáy giếng: nhắc nhở con người ta phải mở rộng tầm hiểu biết, không được kiêu ngạo, coi thường những đối tượng xung quanh.*  *Thầy bói xem voi: bài học về pp tìm hiểu sự vật, hiện tượng*. | 1. Chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau của hai truyện “Ếch ngồi đáy giếng” và “Thầy bói xem voi”: |
| **4. Hoạt động Vận dụng :** ( 5’ )  *\* Mục đích*: Giúp HS liên hệ các sự việc trong truyện với những tình huống, hoàn cảnh thực tế.  *\* Phương pháp, kĩ thuật*:  - Vấn đáp  - Động não, trình bày 1 phút. | | |
| **Tổ chức**  **các HĐ dạy học của GV** | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | **Kiến thức trọng tâm** |
| ? Kể một số ví dụ về những trường hợp mà em hoặc bạn em đã nhận định, đánh giá sự vật hay con người một cách sai lầm theo kiểu “Thầy bói xem voi” và hậu quả của những đánh giá sai lầm này.  - Gv theo dõi phần trình bày của HS, nhận xét, góp ý. | - HS trả lời cá nhân, nhận xét.  - HS thảo luận cặp đôi  + trả lời, nhận xét  + SP: | 1. Kể một số ví dụ về những trường hợp mà em hoặc bạn em đã nhận định, đánh giá sự vật hay con người một cách sai lầm theo kiểu “Thầy bói xem voi” và hậu quả của những đánh giá sai lầm này. |
| **5. Hoạt động Tìm tòi ,mở rộng:** ( 2’)  *\* Mục đích*: Giúp HS tìm hiểu thêm những kiến thức có liên quan đến nội dung bài học để mở rộng, khắc sâu kiến thức.  *\* Phương pháp, kĩ thuật*:  *- Luyện tập.*  *- Giao việc.*  \**Phát triển năng lực*: Tự học, tư duy sáng tạo. | | |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm*** | ***Kiến thức trọng tâm*** |
| - GV nêu yêu cầu:  ? Tìm một số câu tục ngữ, ca dao nói về những người làm nghề thầy bói.  ? Qua nội dung câu chuyện này và những câu tục ngữ, ca dao đó, em hiểu nhân dân ta có thái độ như thế nào đối với những người làm nghề bói toán?  - Cho HS về nhà tìm, ghi vào vở BT.  - Gv kiểm tra ở tiết 45 | - HS làm việc cá nhân ở nhà, ghi vào vở BT | 1. a. Tìm một số câu tục ngữ, ca dao nói về những người làm nghề thầy bói.  b. Qua nội dung câu chuyện này và những câu tục ngữ, ca dao tìm được, em hiểu nhân dân ta có thái độ như thế nào đối với những người làm nghề bói toán? |

**\*Hướng dẫn HS học ở nhà:** (1’)

- Đọc kĩ truyện, tập kể diễn cảm câu chuyện theo đúng trình tự các sự việc.

- Soạn bài “Danh từ” (tt) : Ôn lại kiến thức đã học ở cấp I về danh từ chung và danh từ riêng, đọc ví dụ tr 108 và trả lời các câu hỏi.

**Rút kinh nghiệm:**

**- Gv cần hương hs phần tóm tát.**

**- Cần cho hs gạch chi tiết trong sgk**

**- Cần lưu ý thời gian.**

**Ngày dạy: 16/11/2020**

**Lớp dạy: 6/5**

**TUẦN 11**

**TIẾT 42 LUYỆN TẬP DANH TỪ VÀ CỤM DANH TỪ**

**PHIẾU HỌC TẬP DANH TỪ**

**Bài 1: Đánh dấu X vào những danh từ trong các từ sau:**

*Thóc Bàn ghế Đen*

*Nhà cửa Mắt Buồn*

*Gạo Động từ Giấy*

*Bẩn Đi đứng Dép*

*Chăm Nói cười Khóc*

*Đi Mét Khung hình*

**Bài 2 : Nối cột danh từ đơn vị ở A với các danh từ chỉ sự vật ở B sao cho thích hợp:**

|  |  |
| --- | --- |
| *Cột A* | *Cột B* |
| *Đàn* | *gỗ* |
| *Chiếc* | *nước* |
| *Tấm* | *gạo* |
| *Cuộn* | *bút* |
| *Lít* | *vải* |
| *Thúng* | *rau* |
| *Đống* | *giấy* |
| *Mớ* | *trâu* |

**Bài 3 : Cho các từ sau, hãu xếp chúng vào hai cột danh từ chỉ đơn vị qui ước chính xác và danh từ chỉ đơn vị qui ước ước chừng:**

*Ki-lô-gam, mét, năm, mớ, đàn, bó, tạ, tấn, thúng, bát, lít, bó, bầy, lạng, chùm, miếng, túm, đống.*

**Bài 4 : Chỉ ra danh từ chỉ sự vật và danh từ chỉ đơn vị trong câu sau :**

*« Ông về tâu vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này »*

*(Thánh Gióng)*

**Bài 5 : Tìm danh từ chúng và danh từ riêng trong đoạn thơ sau :**

*“Con thuyền rời bến sang Hiên*

*Xuôi dòng nước Cái, ngược dòng sông Bung*

*Chập chùng thác Lửa, thác Chông*

*Thác Dài, thác Khó, thác ông, thác Bà*

*Thác bao nhiêu thác cũng qua*

*Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời”*

*(Nước non ngàn dặm)*

**Bài 6:** Có bạn chép các câu văn, câu thơ sau nhưng đã quên viết hoa một số danh từ riêng. Em hãy sửa lại cho đúng.

*a/ Thuyền chúng tôi chèo thoắt qua kênh bọ mắt, đổ ra con sông cửa lớn, xuôi về năm căn.*

*b/ Những đường việt bắc của ta*

*Đêm đêm rầm rập như là đất nung*

*Sông thao nao nức sóng dồi*

*Ai về hà nội thì xuôi một thuyền*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**PHIẾU HỌC TẬP CỤM DANH TỪ**

**Bài 1: Tìm cụm danh từ trong đoạn văn sau và điền vào mô hình cụm danh từ:**

*“Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ mười tám nước bủn rủn tay chân không còn nghĩ được gì tới chuyện đánh nhau nữa. Cuối cùng các hoàng tử phải cởi giáp xin hang. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận . cả mấy tram vạn tướng lĩnh thấy Thạch sanh chỉ dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi không muốn cầm đũa…”*

*(Thạch Sanh)*

**Bài 2: Chỉ ra cấu tạo các cụm danh từ sau:**

*a/ Tất cả những người bạn mới*

*b/Cô gái xinh đẹp ấy*

*c/ Năm bông hoa hồng đỏ*

*d/ Giọt mực tím*

*e/ Những bài học giá trị ấy*

**Bài 3:** Nối các cụm danh từ ở cột A với cột B để tạo thành một câu có nội dung trọn vẹn

|  |  |
| --- | --- |
| **Cột A** | **Cột B** |
| *Những đám mấy trắng* | *đều vui mừng đón thầy cô thực tập* |
| *Đóa hồng nhung kiều diễm trong vườn* | *lững lờ trôi* |
| *Tốc độ đô thị hóa của thành phố Hà Nội* | *bảo cả mấy đứa ngồi bên im lặng* |
| *Tất cả học sinh khối 6* | *diễn ra rất nhanh* |
| *Mẹ tôi* | *nở nụ cười tươi xinh* |

**Bài 4:** Cho các cụm danh từ sau: tiếng nói chuyện, mấy con gà rừng trên núi, các bếp, mấy cây cao cạnh nhà, tiếng gọi nhau, một con gà trống. Điền vào chỗ trống cho thích hợp:

*“Bỗng (1)… vỗ cánh phành phạch và cất tiếng gáy lanh lảnh ở đầu bản. Tiếp đó, rải rác trong thung lũng, tiếng gà gáy râm ran (2)… cũng thức dậy gáy le te. Trên (3 )… ve đua nhau kêu ra rả. Ngoài suối, tiếng chim quốc vọng vào đều đều…Bản làng đã thức giấc. Đó đây, ánh lửa bập bùng trên (4)… Ngoài bờ ruộng đã có bước chân người đi (5)… rì rầm, (6 )… í ới”*

**Bài 5:** Đặt câu với mỗi loại danh từ đã học. Xác định cụm danh từ trong từng câu đã đặt.

**Bài 6: Cho các từ:** *trường, kỉ niệm, con đường, ngày***.** Thảo luận để phát triển chúng thành các cụm danh từ.

**RÚT KINH NGHIỆM**

**- Gv cần hướng dân bài tập**

**- Cần lưu ý thời gian.**

**Ngày dạy: 17/11/2020**

**Lớp dạy: 6/5**

**TUẦN 11**

**TIẾT 43**

**Tập làm văn: THỨ TỰ KỂ TRONG VĂN TỰ SỰ**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:** Giúp HS

- Thấy trong tự sự có thể kể “xuôi”, có tểh kể “ngược” tùy theo nhu cầu thể hiện.

- Tự nhận thấy sự khác biệt của cách kể “xuôi” và kể “ngược”, biết được muốn kể “ngược” phải có điều kiện.

- Luyện tập kể theo hình thức nhớ lại.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: SGK+SGV+bảng phụ

- HS: SGK+tập soạn

**III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**1/ Ổn định lớp:**

**2/ Kiểm tra bài cũ:**

- Em hãy nói vai trò của ngôi kể thứ nhất và thứ ba?

- Hãy kể miệng theo ngôi thứ nhất những điều em thấy mỗi khi đến lớp.

**3/ Bài mới:**

a/ Giới thiệu bài:

b/ Tiến trình giảng dạy:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1:**  GV dùng văn bản “Ông lão đánh cá và con cá vàng” để làm dẫn chứng minh họa.  **H1**: Em hãy tóm tắt các sự việc chính trong truyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng”?  **H2**: Theo em, các sự việc trong truyện được kể theo thứ tự nào?  **H3**: Với cách kể truyện ấy đã tạo nên tác dụng như thế nào đối với nội dung truyện?  **H4**: Theo em, người kể lại truyện nằm ở ngôi thứ mấy?  **H5**: Em hãy thử nhận xét về cách kể ở ngôi thứ ba đó?  **HOẠT ĐỘNG 2:**  GV lấy đoạn văn SGK trang 97  **H6**: Theo em, thứ tự thực tế các sự việc trong bài văn đã diễn ra như thế nào  **H7**: Bài văn kể theo thứ tự nào ?  **H8**: Kể theo thứ tự này có tác dụng nhấn mạnh đến điều gì ?  🡪 Rút ra phần ghi nhớ.  **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  GV cho HS làm bài tập 1, 2 SGK | - Ông lão bắt được cá vàng 🡪 cá vàng hứa trả ơn.  - Năm lần ra biển cùng kết quả của năm lần: lần 1 - cái máng lợn, lần 2 - toà nhà đẹp, lần 3 - bà nhất phẩm phu nhân, lần 4 - nữ hoàng, lần 5 - Long Vương 🡪 túp lều cũ và cái máng lợn sứt mẻ.  🡪 các sự việc liên tiếp nhau, được kể theo một thứ tự tự nhiên (trước 🡪 kể trước, sau 🡪 kể sau): lòng tham lam vô độ của mụ vợ đã dẫn đến kết cục cuối cùng “tham thì thâm”.  - Ngôi thứ 3  -HS thảo luận  - Thứ tự kể bắt đầu từ hậu quả xấu ngược lên kể nguyên nhân .  - Bài văn đã kể theo thứ tự tự nhiên .  - Cách kể này có tác dụng làm nổi bật ý nghĩa của bài học | **I. TÌM HIỂU THỨ TỰ KỂ TRONG VĂN TỰ SỰ:**  \* Văn bản “ Ông lão đánh cá và con cá vàng”:  - Giới thiệu ông lão đánh cá.  - Ông lão bắt được cá vàng, nhận lời hứa của cá vàng.  - Năm lần ra biển gặp cá vàng và kết quả mỗi lần.  Ghi nhớ SGK trang 98  **II. LUYỆN TẬP:** |

**4/ Củng cố:**

- HS đọc lại ghi nhớ

**5/ Dặn dò:**

- Học thuộc ghi nhớ

- Làm bài tập 1, 2

**RÚT KINH NGHIỆM**

**- Bài khó, gv cần giảng chậm.**

**- Phần bài tập gv cần gợi ý**

**- Cần lưu ý thời gian.**

**Ngày dạy: 17/11/2020**

**Lớp dạy: 6/5**

**TUẦN 11**

**TIẾT 44**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ 1**

**I. Mục tiêu cần đạt.**

**1. Kiến thức**

- Phát hiện được các lỗi trong bài làm của mình, đánh giá được ưu, khuyết điểm; nhận xét bài theo yêu cầu của đề để thấy sự tiến bộ hoặc thụt lùi của mình.

**2.Kĩ năng**

- Rèn luyện kĩ năng tự chữa bài làm của mình, dùng từ, viết câu và có cách chữa lỗi trong bài làm của mình.

**3.Thái độ:** Có thái độ hợp tác và chủ động học hỏi

**4. Phát triển năng lực, phẩm chất** : Năng lực sáng tạo, tư duy, tự học, tự chịu trách nhiệm

**II. Chuẩn bị.**

- GV: Chấm bài, sách giáo viên, sách giáo khoa, soạn giáo án.

- HS: Làm dàn bài đề đã cho.

**III. Tiến trình lên lớp.**

\* **Hoạt động 1.**

1. Ổn định tổ chức lớp.

2. Bài mới.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức hoạt động của giáo viên** | **Dự kiến hoạt động của học sinh và sản phẩm** | **Nội dung bài học** |
| GV phát bài cho HS.  **\* Họat động 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu đề.**  GV gọi HS đọc và nêu yêu cầu của đề bài.  ? Nêu các bước làm một văn bản từ sự?  ? Đề văn trên thuộc thể loại nào? Nội dung yêu cầu gì và từ liệu ở đâu?  **\* Hoạt dộng 3. Hướng dẫn HS lập dàn bài.**  ? En hãy nhắc lại bố cục của bài văn tự sự?  ? Với đề này phần mở bài em sẽ giới thiệu như thế nào?  ? Phần thân bài em sẽ kể những đổi mới nào?  ? Phần kết bài em nêu những điều gì?  \* **Hoạt động 4. Hướng dẫn HS sữa chữa những lỗi thường mắc phải.**  GV cho HS phát hiện lỗi sai trong bài làm của mình.  GV ghi ra những từ HS dùng sai lên bảng, cho HS nhận xét và sửa chữa.  GV ghi ra lỗi sai về diến đạt, gọi HS sửa chữa, nhận xét.  HS tự sửa và trao đổi bài cho nhau để sửa những lỗi sai bằng bút chì.  \* **Hoạt động 5.** GV ghi điểm vào sổ, nhận xét bài làm lần này, tuyên dương những em viết tốt. Đọc bài văn hay cho cả lớp nghe.  \* **Hoạt động 6. Hướng dẫn HS học ở nhà.**  - Viết lại hoàn chỉnh bài văn vào vở soạn.  - Soạn bài: “Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng” theo câu hỏi gợi ý sgk. | - HS đọc đề bài.  - HS nêu yêu cầu của đề bài.  - Tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn bài, viết bài, đọc và sửa chữa.  - HS trả lời.  - HS nhắc lại.  + Mở bài: giới thiệu chung về sự việc, nhân vật.  + Thân bài: kể diễn biến câu chuyện.  + Kết bài: kể kết cục câu chuyện.  - HS phát biểu.  - HS phát hiện.  - HS thực hiện.  -  - HS thực hiện.  - HS trao đổi và sửa chữa bài làm cho nhau. | **Đề 1:** Kể về buổi lễ khai giảng đầu năm cấp 2 của em.  **ĐỀ 2:** Kể về người bạn mới quen đầu năm cấp 2 của em.  **I. Tìm hiểu đề.**  - Thể loại: tự sự (kể chụyện đời thường).  - Nội dung: Kể về những đổi mới ở quê em.  - Tư liệu: cuộc sống xung quanh em.  **II. Lập dàn bài.**  **III. Sửa lỗi.**    ***1. Chính tả:***  ***2. Dùng từ:***  ***3. Diễn đạt:*** |

**\* Rút kinh nghiệm:**

**- Gv cần cho hs nhận thấy lỗi sai và sữ lỗi.**

**- Cần lưu ý thời gian.**

**Ngày dạy: 23/11/2020**

**Lớp dạy: 6/5**

**TUẦN 12**

**TIẾT 44**

**LUYỆN NÓI KỂ CHUYỆN**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

- Biết lập dàn bài cho bài kể chuyện theo một đề tài.

- Biết kể theo dàn bài, không kể theo bài viết sẵn hay học thuộc lòng.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: SGK+SGV+bảng phụ

- HS: SGK+tập soạn

**III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**1/ Ổn định lớp:**

**2/ Kiểm tra bài cũ:**

-Trong khi kể chuyện, trình tự của văn kể chuyện được sắp xếp như thế nào?

**3/ Bài mới:**

a/ Giới thiệu bài: Chúng ta đã tìm hiểu và biết thế nào là thể loại văn kể chuyện. Hôm nay, chúng ta sẽ đi vào thực hành luyện nói về văn kể chuyện ấy.

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG** | **GHI BẢNG** |
| GV kiểm tra việc chuẩn bị dàn bài ở nhà của HS.  GV cho HS đọc dàn ý mẫu.  - Mỗi tổ lần lượt chọn một số đề bài có sẵn.  1/ Kể về một chuyến về quê.  2/ Kể về một cuộc thăm hỏi gia đình liệt sĩ neo đơn.  3/ Kể về một cuộc đi thăm di tích lịch sử.  4/ Kể về một chuyến ra thành phố.  GV cho HS thảo luận tổ khoảng 15 phút, HS có thể kèm theo tranh minh họa.  - Đại diện mỗi tổ viết dàn ý cô đọng, có tểh trình bày bằng bảng có sẵn (có thể kèm theo tranh).  - HS từng tổ lên kể chuyện dựa trên dàn ý.  - HS các tổ nhân xét trên hai yêu cầu:  + Nội dung: Trình tự thời gian được sắp xếp như thế nào? Nội dung bài viết có đúng thể loại, phong phú và sâu sắc không?  + Hình thức: Diễn đạt có trôi chảy, mạch lạc không? Thái độ tự tin, giọng điệu có phù hợp với đề tài không?  - Ngoài ra, mỗi tổ có thể đặt câu hỏi thắc mắc về bài viết của bạn (mỗi tổ có thể đặt ra một câu hỏi).  - GV tổng kết, nhân xét ưu, khuyết điểm, rồi cho điểm (nội dung: 3đ, hình thức: 3đ, tranh minh họa: 2đ, câu hỏi hoặc nhận xét tốt: 2đ)  **4/ Dặn dò:**  - Soạn bài mới | **\* Đề bài:**  1/ Kể về một chuyến về quê.  2/ Kể về một cuộc thăm hỏi gia đình liệt sĩ neo đơn.  3/ Kể về một cuộc thăm di tích lịch sử.  4/ Kể về một chuyến ra thành phố.  **\* Dàn bài tham khảo:**  **Đề:** Kể về một chuyến thăm quê.  I/ Mở bài: Lí do về thăm quê, về với ai? Nhân dịp nào?  II/ Thân bài:  - Tâm trạng khi được về quê  - Quang cảnh chung của quê hương  - Gặp họ hàng ruột thịt  - Thăm phần mộ tổ tiên, gặp bạn bè cùng lứa  -Dưới mái nhà người thân  III/ Kết bài: Chia tay - cảm xúc về quê hương. |

b/ Tiến trình giảng dạy:

1. **RÚT KINH NGHIỆM:**

**- Gv cần hướng dẫn hs thao tác nói.**

**- Gv cần gợi ý dàn ý cho hs.**

**- Cần lưu ý thời gian.**

**Ngày dạy:**

**Lớp dạy:**

**TUẦN 12**

**TIẾT 45**

**LUYỆN NÓI VỀ VĂN KỂ CHUYỆN (TIẾP THEO)**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

- Tạo cơ hội cho HS:

- Biết lập dàn bài kể chuyện và kể miệng một cách chân thật.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: SGK+SGV+bảng phụ

- HS: SGK+tập soạn

**III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY:**

**1/ Ổn định lớp:**

**2/ Kiểm tra bài cũ:** Em hãy nêu cách làm một bài văn tự sự?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY** | **HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ** | **GHI BẢNG** |
| - GV kiểm tra việc chuẩn bị dàn bài ở nhà của HS.  - GV nêu vai trò, tầm quan trọng của việc luyện nói.  - GV nêu yêu cầu của tiết học.  - GV khuyến khích HS nói gọn, rõ ràng, mạch lạc. Chú ý ngôn ngữ nói khác với ngôn ngữ đọc.  - GV chia tổ cho HS lần lượt, mỗi tổ 1 đề, cho HS thảo luận trong tổ khoảng 15’.  - GV ghi đề lên bảng  - GV gọi mỗi tổ lên phát biểu trước lớp.  - GV nhận xét, bổ sung, có thể cho điểm những em có tinh thần xây dựng bài.  - GV uốn nắn và gợi ý sửa chữa để HS nói tốt hơn.  - GV cho HS ghi những dàn bài tham khảo trong SGK | - HS chuẩn bị dàn ý, thảo luận nhóm để thực hành.  - Các tổ cử đại diện trình bày phần chuẩn bị của tổ mình.  - Cả lớp nghe, nhận xét và bổ sung. | **Đề 1**: Tự giới thiệu về bản thân  **Đề 2**: Giới thiệu người bạn mà em quý mến.  **Đề 3**: Kể về gia đình mình.  **Đề 4**: Kể về một ngày hoạt động của mình.  \***Dàn bài tham khảo:**  **Đề 1**: Tự giới thiệu về bản thân  - Mở bài: Lời chào và lí do tự giới thiệu  - Thân bài:  + Tên, tuổi  + Gia đình gồm những ai  + Công việc hàng ngày  +Sở thíchvà nguyện vọng  - Kết bài: cảm ơn mọi người đã chú ý nghe |

**3/ Bài mới:**

**4/ Củng cố:**

GV nhận xét chung về giờ học, về từng cá nhân

**5/ Dặn dò:**

- Về nhà lập dàn ý đề bài em thích

- Soạn bài “Cây bút thần”

**IV/ RÚT KINH NGHIỆM:**

**- Gv cần cung cấp dàn ý cho hs.**

**- Cần lưu ý thời gian.**

**Ngày dạy: 24/11/2020**

**Lớp dạy: 6/5**

**TUẦN 12**

**TIẾT 45- 46**

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG BÀI TỰ SỰ- KỂ CHUYỆN ĐỜI THƯỜNG**

**I. Mục tiêu cần đạt.**

***1. Kiến thức:***

- Nhân vật và sự việc được kể trong kể chuyện đời thường.

- Chủ đề, dàn bài, ngôi kể, lời kể trong kể chuyện đời thường.

***2. Kĩ năng***

- Làm bài văn kể một câu chuyện đời thường.

***3. Thái độ:***

- Cĩ ý thức, nghim tc trong giờ học.

***4, Định hướng phát triển năng lực của học sinh.***

- Năng lực giao tiếp, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác…

**II. Chuẩn bị.**

- GV: Sách giáo khoa, sách giáo viên, soạn giáo án.

- HS: Soạn bài theo câu hỏi gợi ý sách giáo khoa.

**III. Tiến trình lên lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động :** (5’)  *\** ***Mục tiêu*:** Tạo hứng thú cho HS đi vào bài mới  *\** ***Phương pháp, kĩ thuật***:  - Vấn đáp, thuyết trình.  - Đặt câu hỏi.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: Quan tâm những em còn rụt rè, yếu kém  - Phương án đánh giá: Chọn những ý kiến gần đúng hoặc đúng vớí yêu cầu.  *\** ***Phương tiện***: Sgk. | | | | |
| **Tổ chức các HĐ dạy học của GV** | | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | | **Kiến thức trọng tâm** |
| GV cho HS quan sát, đọc các đề sau:  **1**.Kể về một kỉ niệm đáng nhớ.  **2.**Kể một chuyện vui sinh hoạt.  **3.** Kể lại một nhân vật trong truyện cổ tích mà em thích.  **4**. Kể lại truyện Thánh Gióng  **5**. Kể về một cuộc gặp gỡ.  **?** Trong các đề văn trên, đề nào kể về những câu chuyện hằng ngày các em đã từng gặp, từng trải qua.  **Gv:** Ở lứa tuổi  các em  thường hứng thú với những câu chuyện phiêu lưu, mạo hiểm hay các truyện thần kì ảo mộng mà không  mấy chú ý đến những “chuyện đời thường”-một đề tài gắn liền với cuộc sống thực tế hằng ngày-những kiến thức không thể thiếu đối với mỗi con người. Vậy “*chuyện đời thường*” là gì? Cách XD một bài tự  sự-kể chuyện đời thường như thế nào? Bài học hôm nay sẽ giúp các em điều đó. | | **-** HS đọc, quan sát  SP: đề 1,2,5  - HS chú ý | |  |
| **2. HĐ Hình thành kiến thức (30ph)**  **\*Mục tiêu:**  - Giúp HS thấy được thế nào là kể chuyện đời thường.  - Cách làm một bài văn kể chuyện đời thường.  **\* Phương pháp:** Trực quan, nêu và giải quyết vấn đề, thuyết trình, vấn đáp  **\* Kĩ thuật:** Đọc tích cực, động não, chia nhóm, giao nhiệm vụ  **\* Phương tiện:** SGK | | | | |
| **Tổ chức các HĐ dạy học của GV** | | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | | **Kiến thức trọng tâm** |
| \***Bước 1 . Tìm hiểu và làm quen các dạng đề bài tự sự.**  \* Gọi HS đọc 7 đề trong sgk.  **?** 7 đề trên có yêu cầu chung về phương thức là gì?  **GV:** Phương thức chủ yếu là tự sự.  **?** Mỗi đề yêu cầu kể những việc gì?  **?** Nội dung kể trong 7 đề trên có giống nhau không?  ? Đây là đề văn tự sự kể về ai nhiều nhất?  ***GV giải thích khái niệm: Kể chuyện đời thường:***  Kể chuyện đời thường là kể những câu chuyện hằng ngày từng trải qua, từng gặp với những người quen hay lạ nhưng để lại những ấn tượng, cảm xúc nhất định nào đó. Một trong những yêu cầu hàng đầu của kể chuyện đời thường là nhân vật và sự việc cần phải hết sức chân thực, không nên bịa đặt, thêm thắt tùy ý.  **GV cho HS tập ra đề.**  **?** Em thử ra một đề kể chuyện tương tự trên?  **Lưu ý**: ngắn gọn, rõ ý như 7 đề trên.  Thu đề, xem và nhận xét.  \***Bước 2. Hướng dẫn tìm hiểu dàn bài cụ thể.**  **VL 1.** Thực hiện đề: “ ***Kể chuyện về ông (hay bà) của em.”***  GV ghi đề lên bảng - gọi HS đọc lại đề.  **?** Đề văn yêu cầu kể về ai?  **GV**: định hướng cho HS kể về ông em.  **?** Nếu kể về ông, em sẽ kể những gì?  **VL2.** GV gọi HS đọc “phương hướng làm bài” trong sgk trang 120.  **VL3.** Hướng dẫn HS tham khảo dàn bài.  GV gọi HS đọc dàn bài trong sgk trang 120.  **?** Bố cục bài văn tự sự gồm mấy phần?  **?** Kể chuyện về ông – mở bài em giới thiệu như thế nào?  **?** Giới thiệu chung về ông là giới thiệu những ý nào?  **?** Thân bài ở đây có mấy ý lớn? Mỗi ý lớn kể về điều gì?  **?** Phần kết bài em kể về điều gì?  **VL4. Hướng Dẫn HS đọc bài tham khảo sgk trang 120/ 121.**  GV gọi HS đọc.  ? Bài làm có sát với đề không?  **?** Các sự việc nêu lên có xoay quanh chủ đề về người ông hiền từ, yêu hoa, yêu cháu không?  **?** Em hãy chỉ ra mở bài, thân bài, kết bài.  **?** Em có nhận xét gì về cách mở bài và cách kết bài?  **?** Phần thân bài người kể đã kể những việc gì? Tình tự sự việc diễn ra như thế nào?  ? Kể chuyện đời thường về một nhân vật ( người) em cần chú ý những gì?  *GV rút ra điều cần lưu ý:*  - Khi kể chuyện đời thường cần kể người thất, việc thật, những ấn tượng đáng nhớ nhất, bày tỏ cảm xúc cá nhân.  - Khi kể về người chú ý đặc điểm nhân vật, tuổi tác, tính cách, sở thích, việc làm | | - HS đọc.  - 7 đề trên có chung về phương thức là *kể.*  - Kể về một kỉ niệm đáng nhớ. - Kể một chuyện vui sinh hoạt.  - Kể về người bạn mới quen.  - Kể về một cuộc gặp gỡ.  - Kể về những đổi mới ở quê em.  - Kể về thầy giáo ( cô giáo) của em.  - Kể về một người thân của em.  - Nội dung kể trong 7 đề trên không giống nhau.  - Kể người là chủ yếu.  - HS ra đề vào giấy.  - HS đọc.  - Kể ông em ( bà em).  - Tuổi tác, tính tình, phẩm chất, sở thích của ông.  - Những biểu hiện tình cảm của em đối với ông ( yêu mến, kính trọng,…).  - HS đọc.  - HS đọc.  - Gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.  - Giới thiệu chung về ông.  - Giới thiệu về tuổi tác, râu tóc, khuôn mặt, tính tình,…  - HS có thể đưa ra ý kiến khác nhau.  - HS trả lời.  - HS đọc.  - Bài làm có sát với đề. Vì tất cả các ý trong dàn bài được phát triển thành văn, thành các câu cụ thể.  - Rất tập trung.  - Mở bài: 1 câu đầu.  - Thân bài: Ông rất yêu …  chúng em.  - Kết bài: Nhìn cái dáng… yêu mến.  - Mở bài và kết bài: ngắn gọn nhưng đầy đủ ý.  - Thân bài:  +Kể ông thích cây xương rồng.  +Sở thích, thắc mắc, giải thích.  +Đặc điểm tính cách, việc làm.  +Ấn tượng nhất của người ấy | | **I. Tìm hiểu phạm vi và yêu cầu đề.**  1. *7 đề đều là văn kể chuyện ( tự sự).*  2. *Nội dung.*  **a.** Kể về một kỉ niệm đáng nhớ.  **b.** Kể một chuyện vui sinh hoạt.  **c.** Kể về người bạn mới quen.  **d.** Kể về một cuộc gặp gỡ.  **đ.** Kể về những đổi mới ở quê em.  **e.** Kể về thầy giáo ( cô giáo) của em.  **g.** Kể về một người thân của em.  **II. Dàn bài của bài văn tự sự kể chuyện đời thường.**  **Đề:** *“Kể chuyện về ông (hay bà) của em.”*  *1. Tìm hiểu đề và tìm ý.*      - Tuổi tác, tính tình, phẩm chất, sở thích của ông.  - Những suy nghĩ, tình cảm yêu mến, kính trọng của em đối với ông.  2*. Dàn bài.*  **a.** Mở bài: Giới thiệu chung về ông ( tuổi tác, râu tóc, khuôn mặt, tính tình,…  **b.** Thân bài: 2 ý lớn  *- Ý thích của ông em.*  + Ông thích trồng trồng cây cảnh.  + Khi cháu thắc mắc , ông giải thích.  *- Ông yêu các cháu.*  + Yêu thương, chăm sóc việc học, dạy dỗ các cháu.  + Luôn chăm lo sự bình yên cho gia đình ( nhắc nhở mỗi tối, cầu mong con cháu khỏe mạnh, làm ăn phát đạt, học hành tiến bộ, khi đi xa ông mong ngóng).  **c.** Kết bài: Tình cảm và ý nghĩ của em đối với ông.  - Tình cảm yêu mến, biết ơn, kính trọng của em dành cho ông..  - Mong ông mãi khỏe mạnh, sống lâu.  **\* Chú ý:**  -Khi kể chuyện đời thường cần kể người thất, việc thật, những ấn tượng đáng nhớ nhất, bày tỏ cảm xúc cá nhân.  - Khi kể về người chú ý đặc điểm nhân vật, tuổi tác, tính cách, sở thích, việc làm. |
| **3. Hoạt động luyện tập: (8ph)**  **\* Mục tiêu**: HS vận dụng kiến thức đã chiếm lĩnh trên để củng cố, khắc sâu kiến thức theo nội dung bài học  **\* Phương pháp**: thực hành  **\* Kĩ thuật:** Viết tích cực, trình bày 1 phút  **\*Phương tiện, thiết bị dạy học:**  sgk | | | | |
| **Tổ chức các HĐ dạy học của GV** | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | | **Kiến thức trọng tâm** | |
| GV cho HS tìm hiểu đề c trang 119.  GV ghi đề lên bảng – gợi ý.  Thu chấm bài của một số HS, nhận xét. | HS lập dàn ý | | **III. Luyện tập.**  ***Đề:*** Kể về người bạn mới quen ( do cùng hoạt động văn nghệ, thể thao mà quen, tính tình của ban,…).  - HS lập bài đại cương  **Dàn bài:**  **a.** Mở bài: Giới thiệu chung về người bạn mới quen.  **b.** Thân bài: có 2 ý.  - Sở thích: văn nghệ, đọc sách,…  - Tính cách:  + Vui vẻ, hòa nhã với mọi người.  + Chăm họ, học giỏi, nghiêm túc trong giờ học.  + Yêu mến, giúp đỡ bạn bè.  + Kính trọng thầy cô giáo.  + Say mê hoạt động tập thể.  **c.** Kết bài:  - Em yêu mến bạn.  - Mong bạn được gần gũi và thân thiết mãi.  - Mai này có xa vẫn nhớ mãi về bạn. | |
| **4. HĐ Vận dụng ( 5ph’)**  **\*Mục tiêu:**  HS vận dụng, củng cố lại những kiến thức đã học để viết đoạn văn, bài văn  **\*Phương pháp**: trình bày cá nhân  \***Kĩ thuật**:Động não  **\* Phương tiện, thiết bị dạy học:**  sgk, giấy Ao, bút | | | | |
| **Tổ chức các HĐ dạy học của GV** | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | | **Kiến thức trọng tâm** | |
| GV yêu cầu HS dựa vào gợi ý viết phần MB, KB đề văn ở phần luyện tập.  - GV cho HS đọc đề văn, nhận xét, bổ sung | HS viết đoạn văn  - HS nhận xét | |  | |
| **5. HĐ Tìm tòi, mở rộng *( 2ph)***  **\* Mục tiêu:** Giúp HS mở rộng thêm kiến thức có liên quan đến nội dung bài học, phát huy năng lực sáng tạo của bản thân .  **\* Phương pháp, kĩ thuật:** giao nhiệm vụ  **\* Phương tiện dạy học:**  sgk, mạng internet. | | | | |
| **Tổ chức các HĐ dạy học của GV** | **Dự kiến các HĐ học của HS và sản phẩm** | | **Kiến thức trọng tâm** | |
| GV yêu cầu HS tự nghĩ một đề kể chuyện đời thường cho bản thân, tự xây dựng dàn bài.  GV kiểm tra ở tiết học sau. | HS tự xây dựng đề văn | |  | |

**\* Hướng dẫn HS học ở nhà. *( 1ph)***

- Viết thành văn hoàn chỉnh đề bài phần luyện tập.

- Tự nghĩ một đề kể chuyện đời thường cho bản thân, tự xây dựng dàn bài.

- Xem lại các đề văn tự sự kể chuyện đời thường, cách viết các đề văn trên để hôm sau viết bài tập làm văn số 3.

**\* Rút kinh nghiệm:**

**- Gv cần cung cấp dàn ý cho hs.**

**- Gv cần cho hs viết mở bài, kêt bài.**

**- Cần lưu ý thời gian.**